

## LỜI NÓI ĐẦU

**TSCĐ** là tư liệu lao động có giá trị lớn, thời gian sử dụng dài, là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, TSC Đ là bộ phận quan trọng chiếm tỷ trọng lớn trong DN, là cơ sở vật chất kỹ thuật để tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao năng xuất lao động, thể hiện năng lực, thế mạnh của doanh nghiệp trong phát triển sản xuất.

Trong giai đoạn hiện nay khi KHKT phát triển không ngừng và trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, thì nhu cầu đổi mới TSC Đ trở thành vấn đề sống còn đối với mỗi doanh nghiệp nói riêng và toàn bộ nền kinh tế nói chung. Đi đôi với phát triển TSC Đ thì việc hạch toán TSC Đ cũng phải được hoàn thiện để phù hợp với tình hình mới.

Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của TSC Đ trong sản xuất kinh doanh, trong thời gian thực tập tại công ty CPTM và dịch vụ Kỹ Nghệ Hàng Hải em đã đi sâu vào nghiên cứu TSC Đ và hạch toán kế toán TSC Đ, và chọn đề tài cho khóa luận tốt nghiệp là :”Hoàn thiện công tác kế toán TSC Đ tại công ty CPTM và dịch vụ Kỹ Nghệ Hàng Hải”

Nhằm củng cố, nâng cao kiến thức đã học cũng như giúp bản thân nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu công tác sau này.

Tuy nhiên là một sinh viên thực tập bước đầu tìm hiểu nghiên cứu thực tập, thực tế ở một đơn vị cụ thể chắc chắn không tránh được những thiếu sót cộng với thời gian thực tập có hạn và trình độ kinh nghiệm chưa có nên em rất cảm ơn sự giúp đỡ của thầy cô đặc biệt là thầy giáo T.S Nguyễn Văn Tỉnh cùng các đồng chí trong phòng kế toán doanh nghiệp của công ty đã giúp đỡ và cho những ý kiến để em hoàn thiện chuyên đề này với kết quả cao nhất.

Ngoài lời mở đầu và kết luận khóa luận của em được kết cấu thành 3 chương

CHƯƠNG I: Những vấn đề lí luận cơ bản về TSCĐ và kế toán tài sản cố định trong các đơn vị

CHƯƠNG II: Công tác kế toán Tài sản cố định tại công ty CPTM và Dịch vụ KỸ NGHỆ HẰNG HẢI

CHƯƠNG III: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hạch toán Tài Sản Cố Định tại công ty CPTM và Dịch vụ Kỹ Nghệ Hằng Hải.

Dưới đây em xin trình bày toàn bộ nội dung của khóa luận

Hải phòng ,ngày 05 tháng 07 năm 2011

Sinh viên

Nguyễn Thị Mai Vân

# CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

## 1.1/NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH(TSCĐ)

### 1.1.1/Khái niệm,đặc điểm,vai trò của TSCĐ

#### *\*Khái niệm TSCĐ:*

Để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp phải có các yếu tố sức lao động , Tư liệu lao động và đối tượng lao động.

Khác với các đối tượng lao động(nguyên liệu vật liệu,sản phẩm dở dang,bán thành phẩm...)các tư liệu lao động(như máy móc thiết bị,nhà xưởng,phương tiện vận tải...)là những phương tiện vật chất mà con người sử dụng để tác động vào đối tượng lao động,biến đổi nó theo mục đích của mình.

Từ những nội dung trình bày trên có thể rút ra định nghĩa về TSCĐ như sau:

TSCĐ là một bộ phận của tư liệu sản xuất(TLSX),giữ vai trò chủ yếu trong quá trình sản xuất,được coi là cơ sở vật chất kỹ thuật,TSCĐ có thể có hình thái vật chất cụ thể(TSCĐ hữu hình)hoặc có thể tồn tại dưới hình thái giá trị(TSCĐ vô hình)phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh có giá trị lớn và sử dụng trong thời gian dài.

Theo quy định của Bộ Tài Chính thì mọi tư liệu lao động là TSCĐ khi thoar mãn đồng thời 4 tiêu chuẩn sau:

- +Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó
- +Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy
- +Thời gian sử dụng được ước tính trên một năm
- +Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành

Trường hợp 1 hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau,trong đó mỗi bộ phận cấu thành có thời gian sử dụng khác nhau và nếu thiếu 1 bộ phận nào đó là cả hệ thống vẫn thực hiện được chức năng hoạt động chính của nó mà do yêu cầu quản lý,sử dụng TSCĐ đòi hỏi phải quản lý riêng từng bộ phận tài sản đó được coi là 1 TSCĐ hữu hình độc lập.

Đối với súc vật làm việc, súc vật cho sản phẩm thì từng con súc vật được coi là một TSCD hữu hình.

Những tư liệu lao động không hội đủ cả 4 tiêu chuẩn trên được coi là công cụ, dụng cụ.

-Đối với TSCD vô hình :mọi khoản chi phí thực tế mà doanh nghiệp.đã chi ra thỏa mãn đồng thời 4 tiêu chuẩn nêu trên mà không hình thành TSCD hữu hình thì được coi là TSCD vô hình

Nếu những khoản chi phí này không đồng thời thỏa mãn cả 4 tiêu chuẩn trên thì được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp.

***\*/Đặc điểm TSCD :***

Đặc điểm nổi bật và quan trọng nhất của TSCD là tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Do vậy giá trị của TSCD thường được kết chuyển vào chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh nhiều kỳ thông qua phương pháp khấu hao tài sản cố định. Thời gian thu hồi vốn dài, thường nhiều chu kỳ kinh doanh và vốn đầu tư TSCD thường là vốn chủ sở hữu và vốn vay dài hạn.

TSCD được chia ra làm 2 loại: TSCD hữu hình và TSCD vô hình

Đối với TSCD là TS không có hình thái vật chất nhưng được xác định giá trị và doanh nghiệp nắm giữ, sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ hoặc cho đối tượng khác thuê, phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCD vô hình.

Đối với TSCD hữu hình thường nổi bật đặc điểm: khi tham gia vào kinh doanh hình thái bề ngoài ít biến đổi kể từ khi sử dụng đến khi nhượng bán hoặc thanh lý. khi TSCD có kết cấu phức tạp gồm nhiều bộ phận với mức độ hao không đều nên trong quá trình sử dụng có thể bị hư hỏng từng bộ phận, do vậy TSCD thường có quá trình sửa chữa và bảo dưỡng định kỳ.

## **1.1.2/Vai trò,yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán TSCD trong doanh nghiệp.**

### ***\*Vai trò của tài sản cố định:***

Sản xuất là cơ sở để tồn tại và phát triển của xã hội loài người.Với sức lao động của mình con người tác động vào các đối tượng thông qua các tư liệu lao động để biến các đối tượng lao động thành sản phẩm vật chất phục vụ cho nhu cầu của mình.

Bộ phận quan trọng nhất trong các TLLĐ sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là các loại TSCĐ .Trong lịch sử phát triển của xã hội loài người ,các cuộc đại cách mạng công nghiệp đều tập trung giải quyết các vấn đề về trang thiết bị ,cơ sở vật chất kỹ thuật trong quá trình sản xuất .Theo Mác”TLLĐ”là hệ thống xương cốt và cơ bắp của nền sản xuất”,trong đó TSCĐ là một bộ phận cấu thành nó góp phần phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm tạo chỗ đứng vững chắc cho doanh nghiệp trong điều kiện cạnh tranh gay gắt của nền kinh tế thị trường.

Ngược lại với tình trạng kỹ thuật lạc hậu

Sản phẩm của doanh nghiệp sẽ không đáp ứng yêu cầu thị hiếu của khách hàng thì doanh nghiệp sẽ bị loại khỏi vòng quay của nền kinh tế thị trường.

Nói tóm lại, TSCĐ là cơ sở vật chất kỹ thuật có ý nghĩa to lớn đối với các doanh nghiệp. Nếu ban đầu, trang bị và sử dụng hợp lý TSCĐ sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khẳng định mình trên thị trường. Sự cải tiến hoàn thiện đổi mới sử dụng có hiệu quả TSCĐ là nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của toàn bộ nền kinh tế quốc dân nói chung.

### ***\*Yêu cầu quản lý TSCĐ:***

Xuất phát từ đặc điểm, vị trí, vai trò của TSCĐ, đòi hỏi công tác quản lý cả về mặt hiện vật và giá trị

-Về mặt hiện vật: Không phải chỉ là giữ nguyên hình thái vật chất và đặc tính sử dụng ban đầu TSCĐ mà quan trọng hơn là duy trì thường xuyên năng lực sản xuất ban đầu của nó.Điều đó có ý nghĩa là trong quá trình sử dụng doanh nghiệp phải quản lý chặt chẽ không ;làm mất mát TSCĐ,thực hiện đúng quy chế

sử dụng, bảo dưỡng sửa chữa TSCD, không để TSCD hư hỏng trước thời hạn quy định.

\_Về mặt giá trị: phải quản lý chặt chẽ tình hình hao mòn, việc trích và phân bổ khấu hao một cách khoa học, hợp lý để thu hồi vốn đầu tư phục vụ cho việc tái đầu tư TSCD, xác định giá trị còn lại của TSCD một cách chính xác giúp doanh nghiệp kịp thời đổi mới trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.

***\*/Nhiệm vụ kế toán TSCD trong doanh nghiệp:***

Quản lý và sử dụng tốt TSCD không chỉ tạo điều kiện cho doanh nghiệp chủ động kế hoạch sản xuất mà còn là biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, vì thế kế toán phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- (1) Ghi chép, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời số hiện có và tình hình tăng giảm, sử dụng TSCD của toàn doanh nghiệp cũng như ở từng bộ phận trên các mặt số lượng, chất lượng, cơ cấu, giá trị đồng thời kiểm soát chặt chẽ việc bảo quản, bảo dưỡng và sử dụng TSCD ở các bộ phận khác nhau nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng TSCD.
- (2) Tính toán chính xác, kịp thời số khấu hao TSCD đồng thời phân bổ đúng dẫn chi phí khấu hao và các đối tượng sử dụng TSCD.
- (3) Phản ánh và kiểm tra chặt chẽ các khoản chi phí sửa chữa TSCD. tham gia lập dự toán về chi phí sửa chữa và đơn đốc đưa TSCD được sửa chữa vào sử dụng một cách nhanh chóng.
- (4) Theo dõi, ghi chép, kiểm tra chặt chẽ quá trình thanh lý, nhượng bán TSCD nhằm bảo đảm việc quản lý và sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả.
- (5) Lập các báo cáo về TSCD, tham gia phân tích tình hình trang bị, sử dụng và bảo quản các loại TSCD

**1.1.3. Phân loại TSCD :**

TSCD trong doanh nghiệp rất đa dạng, có sự khác biệt về tính chất kỹ thuật, công dụng, thời gian sử dụng... do vậy phân loại TSCD theo những tiêu thức khác nhau là công việc hết sức cần thiết nhằm quản lý thống nhất TSCD trong doanh nghiệp, phục vụ phân tích đánh giá tình hình trang bị, sử dụng TSCD cũng như

xác định các chỉ tiêu tổng hợp liên quan đến TSCD. Phân loại TSCD là một trong những căn cứ để tổ chức kế toán TSCD.

### **1.1.3 1/Phân loại TSCD theo hình thái biểu hiện:**

Theo phương pháp này TSCD của doanh nghiệp được chia làm hai loại: TSCD có hình thái vật chất (TSCD hữu hình) và TSCD không có hình thái vật chất (TSCD vô hình)

+TSCD hữu hình bao gồm các loại:

-loại 1: Nhà cửa, vật kiến trúc, là TSCD của doanh nghiệp được hình thành sau quá trình thi công xây dựng như trụ sở làm việc, nhà kho, hàng rào, thác nước, sân bãi, các công trình trang trí cho nhà cửa, đường xá cầu cống, đường sắt, cầu tàu, cầu cảng.

-Loại 2: Máy móc, thiết bị: Là toàn bộ các loại máy móc, thiết bị dùng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như máy móc chuyên dùng, thiết bị công tác, dây chuyền công nghệ, những máy móc đơn lẻ...

Loại 3: Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn: Là các loại phương tiện vận tải gồm phương tiện vận tải đường sắt, đường thủy, đường bộ, đường hàng không, đường ống và các thiết bị truyền dẫn như thông tin, đường ống nước, băng tải...

-Loại 4: Thiết bị, dụng cụ quản lý: Là những thiết bị, dụng cụ dùng trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như máy tính phục vụ quản lý, thiết bị dụng cụ đo lường, kiểm tra chất lượng, máy hút ẩm, bụi, chống mối mọt...

-Loại 5: Vườn cây lâu năm, súc vật làm việc: Là các vườn cây lâu năm như cà phê, vườn chè, vườn cao su, vườn cây ăn quả, thảm cỏ, thảm cây xanh, súc vật làm

-Loại 6: Các loại tài sản cố định khác: Là toàn bộ tài sản cố định khác chưa liệt kê vào năm loại trên như tranh ảnh, tác phẩm nghệ thuật.

**TSCD vô hình: Bao gồm các loại.**

-Quyền sử dụng đất: Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới sử dụng đất, bao gồm: tiền chi ra để có

quyền sử dụng đất ,chi phí cho đền bù,giải phóng mặt bằng ,san lấp mặt bằng ,lệ phí trước bạ(nếu có)...

-Quyền phát hành:Phản ánh giá trị TSC Đ vô hình là toàn bộ các chi phí thực tế doanh nghiệp đã chi ra để có quyền phát hành.

-Bản quyền, bằng sáng chế:Phản ánh giá trị TSC Đ vô hình là các chi phí thực tế chi ra để có quyền tác giả,bằng sang chế.

-Nhãn hiệu hàng hóa: Phản ánh giá trị TSC Đ vô hình là các chi phí thực tế liên quan trực tiếp tới việc mua nhãn hiệu hàng hóa.

-Phần mềm máy tính: Phản ánh giá trị TSC Đ vô hình là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra để có phần mềm máy vi tính.

-Giấy phép và giấy chuyển nhượng: Phản ánh giá trị TSC Đ vô hình là các khoản chi ra để doanh nghiệp có được giấy phép hoặc giấy phép nhượng quyền thực hiện công việc đó, như:giấy phép khai thác ,giấy phép sản xuất loại sản phẩm mới...

-TSCĐ vô hình khác: Phản ánh giá trị TSC Đ vô hình khác chưa quy định phản ánh ở các tài khoản trên.

Cách phân loại này giúp cho doanh nghiệp thấy được cơ cấu đầu tư vào TSCĐ hữu hình và vô hình. Từ đó lựa chọn các quyết định đầu tư hoặc điều chỉnh cơ cấu đầu tư sao cho phù hợp và có hiệu quả.

### **1.1.3.2/Phân loại TSCĐ theo mục đích và tình hình sử dụng:**

Theo tiêu thức này toàn bộ TSCĐ của doanh nghiệp được chia làm 4 loại sau

+TSCĐ dùng cho mục đích kinh doanh:Là những TSCĐ dùng trong hoạt động sản xuất kinh doanh cơ bản và hoạt động sản xuất hình doanh phụ của doanh nghiệp.

+TSCĐ dùng cho mục đích phúc lợi,sự nghiệp,an ninh quốc phòng.Đó là những TSCĐ do doanh nghiệp quản lý và sử dụng cho các hoạt động phúc lợi ,sự nghiệp(như các công trình phúc lợi),các TSCĐ sử dụng cho hoạt động đảm bảo an ninh,quốc phòng của doanh nghiệp.

+TSCĐ chờ sử lý



+TSCD bảo quản ,cất hộ giữ hộ nhà nước.Đó là những TSCD doanh nghiệp bảo quản hộ ,giữ hộ cho đơn vị khác hoặc cho nhà nước theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Cách phân loại này giúp cho doanh nghiệp thấy được cơ cấu TSCD của mình theo mục đích sử dụng của nó .Từ đó có biện pháp quản lý TSCD theo mục đích sử dụng sao cho có hiệu quả nhất.

### **1.1.3.3/Căn cứ vào tính chất sở hữu TSCD được chia thành :**

+TSCD tự có:là những TSCĐ được xây dựng ,mua sắm,hoặc chế tạo bằng nguồn vốn của doanh nghiệp do ngân sách cấp ,do đi vay của ngân hàng ,bằng nguồn vốn tự bổ sung,nguồn vốn liên doanh...

+TSCD đi thuê:là những TSCD của doanh nghiệp hình thành do việc doanh nghiệp đi thuê sử dụng trong một thời gian nhất định theo hợp đồng thuê TSCD

### **1.1.3.4/Ngoài ra người ta còn chia TSCD theo nguồn vốn hình thành:**

+TSCD được hình thành từ nguồn vốn chủ sở hữu

+TSCD được hình thành từ các khoản nợ phải trả

Mỗi cách phân loại trên đều cho phép đánh giá ,xem xét kết cấu TSCD của doanh nghiệp theo tiêu thức khác nhau.Kết cấu TSCD là tỷ trọng giữa nguyên giá của một loại TSCD nào đó so với tổng nguyên giá các loại TSCD của doanh nghiệp tại 1 thời điểm nhất định.

Kết cấu TSCD giữa các doanh nghiệp trong các ngành sản xuất khác nhau hoặc thậm chí trong cùng ngành sản xuất cũng không hoàn toàn giống nhau.Sự khác biệt hoặc biến động cấu kết cấu TSCD của doanh nghiệp trong các thời kỳ khác nhau chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố như quy mô sản xuất,khả năng thu hút vốn đầu tư,khả năng tiêu thụ sản phẩm trên thị trường,trình độ tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất... Tuy nhiên đối với các doanh nghiệp việc phân loại và phân tích tình hình kết cấu TSCD là một việc làm cần thiết giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cố định của doanh nghiệp.

#### **1.1.4/ Đánh giá TSCD**

Việc đánh giá TSCD trong doanh nghiệp là vô cùng cần thiết vì nó là điều kiện quan trọng để hạch toán TSCD, tính và phân bổ khấu hao chính xác, phân tích hiệu quả sử dụng vốn trong DN. Theo quyết định số 206/QĐ-BTC TSCD được phản ánh theo 3 chỉ tiêu:

- + Nguyên giá(giá trị ban đầu)
- + Giá trị hao mòn
- + Giá Trị còn lại

##### **1.1.4.1/ Đánh giá TSCD theo nguyên giá:**

Về nguyên tắc nguyên giá TSCD được xác định trên cơ sở chi phí thực tế mà đơn vị bỏ ra để hình thành và đã đưa TSCD vào sử dụng. Hay nói cách khác, nguyên giá TSCD là toàn bộ các chi phí có liên quan đến việc mua sắm, xây dựng TSCD kể cả chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt, chạy thử cho đến khi TSCD được đưa vào sử dụng. Để đảm bảo tính thống nhất trong hoạch toán và quản lý TSCD, nhà nước quy định nội dung chi phí hình thành nguyên giá TSCD trong từng trường hợp cụ thể sau:

##### ***\*Đối với TSCD hữu hình:***

Nguyên giá TSCD hữu hình: Là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có TSCD hữu hình tính đến thời điểm đưa ra TS vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, cụ thể:

-TSCD hữu hình mua sắm: Nguyên giá TSCD hữu hình mua sắm bao gồm giá trị mua (trừ các khoản được chiết khấu thương mại, giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa TS vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: chi phí chuẩn bị mặt bằng, chi phí vận chuyển và bốc xếp ban đầu, chi phí lắp đặt chạy thử (trừ các khoản thu hồi về sản phẩm, phế liệu do chạy thử), chi phí chuyên gia và các chi phí trực tiếp khác.

Trường hợp mua TSCD là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất phải được xác định riêng biệt và ghi nhận là TSCD vô hình.

-TSCD hữu hình do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương pháp giao thầu: Đối với TSCD hình thành do đầu tư xây dựng theo phương pháp giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

- TSCD hữu hình mua chậm trả: Trường hợp TSCD hữu hình mua sắm được thanh toán theo phương thức trả chậm, nguyên giá TSCD đó được phản ánh theo giá mua trả ngay tại thời điểm mua. Khoản chênh lệch giữa giá mua chậm trả và giá mua trả ngay được hoạch toán vào chi phí theo kì hạn thanh toán, trừ khi số chênh lệch đó được vào nguyên giá TSCD hữu hình (vốn hóa) theo quy định của chuẩn mực “chi phí đi vay”.

-TSCD tự xây dựng hoặc tự chế: Nguyên giá TSCD hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế là giá thành thực tế của TSCD hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế cộng chi phí lắp đặt chạy thử. Trường hợp doanh nghiệp dùng sản phẩm do mình sản xuất ra để chuyển thành TSCD thì nguyên giá là chi phí sản xuất ra sản phẩm đó cộng chi phí trực tiếp liên quan đến việc đưa TSCD vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trong đó, các trường hợp trên mọi khoản lãi nội bộ không được tính vào nguyên giá TSCD đó. các chi phí như nguyên liệu, vật liệu lãng phí, lao động, hoặc các khoản chi phí vượt mức bình thường trong quá trình tự xây dựng hoặc tự chế ko được tính vào nguyên giá TSCD hữu hình.

-TSCD hữu hình mua dưới hình thức trao đổi: nguyên giá TSCD hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với 1 TSCD hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác được xây dựng theo giá trị hợp lý của TSCD hữu hình nhận về hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem ra trao đổi sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về.

Nguyên giá TSCD hữu hình mua dưới dạng trao đổi với 1 TSCD hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu 1 TS tương tự (TS tương tự là TS có công dụng tương tự trong cùng lĩnh vực kinh doanh và

có giá trị tương đương). trong cả 2 trường hợp không có bất kì 1 khoản lãi hay lỗ nào được ghi nhận trong quá trình trao đổi. Nguyên giá TSCD nhận về được tính bằng giá trị còn lại của TSCD đem ra trao đổi.

-Nguyên giá TSCD hữu hình được tài trợ,biếu tặng:được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý ban đầu.Trường hợp không ghi nhận theo giá trị hợp lý ban đầu thì doanh nghiệp ghi nhận theo giá trị danh nghĩa cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCD vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Việc ghi sổ TSCD theo nguyên giá cho phép đánh giá tổng quát năng lực sản xuất,trình độ trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật vào nội quy của doanh nghiệp.Chỉ tiêu nguyên giá TSCD còn là cơ sở để tính khấu hao theo dõi tình hình thu hồi vốn đầu tư ban đầu và xác định hiệu xuất sử dụng TSCD .

**\*Đối với TSCD vô hình:**

Nguyên giá TSCD vô hình được xác định cụ thể theo từng loại như sau:

-Đất(giá trị quyền sử dụng đất):là toàn bộ chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất được sử dụng

-Bằng phát minh sáng chế:được xác định bởi các chi phí phải trả cho công trình nghiên cứu,sản xuất chạy thử được nhà nước cấp bằng phát minh sáng chế của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước.

-Bản quyền tác giả:là tổng số tiền chi thù lao cho tác giả và được nhà nước công nhận cho tác giả độc quyền phát hành và bán tác phẩm của mình.

-Chi phí phần mềm máy tính :là số chi trả cho việc thuê lập trình hoặc mua phần mềm máy tính theo các chương trình của đơn vị( đối với các đơn vị thực hiện ghi chép quản lý bằng máy vi tính)

**1.1.4.2/Đánh giá TSCD theo giá trị hao mòn:**

Hao mòn TSCD là sự giảm dần giá trị khi tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh,do tác động của điều kiện tự nhiên của sự tiến bộ khoa học công nghệ.Giá trị hao mòn của TSCD được phân bổ 1 cách có hệ thống trong thời gian sử dụng hữu ích của chúng.Số khấu hao từng kì được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trừ khi chúng được tính vào giá trị của TS khác như:khấu hao TSCD hữu hình dùng cho các hoạt động trong giai đoạn triển khai và các bộ

phần cấu thành nguyên giá TSCD vô hình, chi phí TSCD hữu hình dùng cho quá trình xây dựng hoặc tự chế các tài sản khác, giá trị hao mòn phản ánh nguồn vốn đầu tư coi như đã thu hồi của TSCD ở thời điểm nhất định.

- Khi xác định thời gian sử dụng hữu ích của TSCD hữu hình cần xem xét các yếu tố sau:

+ Mức độ sử dụng ước tính của doanh nghiệp đó

+ Mức độ hao mòn phụ thuộc vào các nhân tố liên quan trong quá trình sử dụng tài sản như số ca làm việc hoặc việc bảo quản chúng trong quá trình sử dụng.

+ Hao mòn vô hình phát sinh cho việc thay đổi cải tiến dây truyền công nghệ hay do sự thay đổi nhu cầu thị trường.

+ Giới hạn có tính hợp lý trong việc sử dụng TS như ngày hết hạn hợp đồng của TSCD thuê tài chính.

***Công thức tính khấu hao :***

$$\text{Mức khấu hao} = \text{Nguyên giá TSCD} * \text{Tỷ lệ khấu hao}$$

Thời gian sử dụng phải được xem xét theo định kỳ, thường là cuối năm tài chính. Nếu có sự thay đổi đáng kể trong việc đánh giá thời gian sử dụng hữu ích của TSCD thì phải điều chỉnh mức khấu hao.

Phương pháp khấu hao TSCD phải được xem xét định kỳ, thường là cuối năm tài chính, nếu có sự thay đổi đáng kể trong cách thức sử dụng tài sản để đem lại lợi ích cho doanh nghiệp thì được thay đổi phương pháp khấu hao và mức khấu hao tính cho năm hiện hành và năm tiếp theo.

#### **1.1.4.3/Đánh giá theo giá trị còn lại:**

***Công thức tính***

$$\text{Giá trị còn lại của TSCD} = \text{NG TSCD} - \text{Số hao mòn lũy kế TSCD}$$

Trường hợp TSCĐ hữu hình được đánh giá lại theo quyết định của nhà nước thì nguyên giá, khấu hao lũy kế còn lại phải được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại. Chênh lệch so đánh giá lại chính theo kết quả đánh giá lại. Chênh lệch do đánh giá lại TSCĐ hữu hình được xử lý và kế toán theo quy định của nhà nước.

$$\frac{\text{Giá trị còn lại của TSCĐ sau khi đánh giá lại}}{\text{Giá trị còn lại của TSCĐ trước khi đánh giá lại}} = \frac{\text{Giá trị đánh giá lại của TSCĐ}}{\text{Nguyên giá cũ của TSCĐ}}$$

### **1.1.5/Hao mòn và trích khấu hao TSCĐ:**

#### **1.1.5.1/Hao mòn TSCĐ**

##### ***\*/Khái niệm hao mòn TSCĐ :***

Trong quá trình sử dụng, do chịu ảnh hưởng của nhiều nguyên nhân khác nhau, TSCĐ của doanh nghiệp bị hao mòn dưới 2 hình thức :Hao mòn hữu hình và Hao mòn vô hình .

##### ***\*/Hao mòn hữu hình của TSCĐ :***

Hao mòn hữu hình của TSCĐ :là sự hao mòn về vật chất ,về giá trị sử dụng và giá trị của TSCĐ trong quá trình sử dụng .Về mặt vật chất đó là sự hao mòn có thể nhận thấy được từ sự thay đổi trạng thái vật lý ban đầu.Ở các bộ phận,chi tiết TSCĐ dưới sự tác động của ma sát ,tải trọng, nhiệt độ,hóa chất.... Về mặt giá trị sử dụng đó là sự giảm sút về chất lượng,tính năng kỹ thuật ban đầu trong quá trình sử dụng và cuối cùng không còn sử dụng được nữa .Muốn khôi phục lại giá trị sử dụng của nó phải tiến hành sửa chữa thay thế .Về mặt giá trị đó là sự giảm dần giá trị của TSCĐ cùng với quá trình chuyển dịch dần từng phần giá trị hao mòn vào giá trị sản phẩm sản xuất.Đối với các TSCĐ vô hình,hao mòn hữu hình chỉ thể hiện ở sự hao mòn về mặt giá trị .

Nguyên nhân và mức độ hao mòn hữu hình trước hết phụ thuộc vào các nhân tố trong quá trình sử dụng TSCĐ như thời gian và cường độ sử dụng ,việc chấp

hành các quy phạm kỹ thuật trong sử dụng và bảo dưỡng TSCD .Tiếp đến là các nhân tố về tự nhiên và môi trường sử dụng TSCD

Việc nhận thức rõ nguyên nhân ảnh hưởng đến mức hao mòn hữu hình TSCD sẽ giúp các doanh nghiệp có biện pháp cần thiết ,hữu hiệu để hạn chế .

***\*/Hao mòn vô hình :***

Ngoài sự hao mòn hữu hình ,trong quá trình sử dụng các TSCD còn bị hao mòn vô hình.Hao mòn vô hình là sự hao mòn thuần túy về mặt giá trị của TSCD , biểu hiện sự giảm sút về giá trị trao đổi của TSCD do ảnh hưởng của tiến bộ khoa học kỹ thuật ... Ngoài ra thường phân biệt các loại hao mòn vô hình sau đây:

**+Hao mon vô hình loại 1:**

Tài sản cố định bị giảm giá trị trao đổi do đã có những TSCD như cũ song giá mua lại rẻ hơn .Do đó trên thị trường các TSCD cũ bị mất đi một phần giá trị của mình .

Tỷ lệ hao mòn vô hình loại 1 được xác định theo công thức:

$$V1 = \frac{Gđ - Gh}{Gđ} * 100\%$$

**Trong đó :**

V1:tỷ lệ hao mòn loại 1

Gđ:Giá trị hao mòn của TSCD

Gh:Giá mua hiện tại của TSCD

**+Hao mòn vô hình loại 2:**

Tài sản cố định bị giảm giá trị trao đổi do có những TSCD mới tuy mua với giá trị như cũ nhưng mang lại hoàn thiện hơn về mặt kỹ thuật.Như vật do có TSCD

mới tốt hơn mà TSCD cũ bị mất đi một phần giá trị của mình .Đó chính là phần giá trị TSCD cũ không chuyển dịch được vào giá trị của sản phẩm kể từ khi có TSCD mới xuất hiện .Bởi vì khi TSCD mới xuất hiện và được sử dụng phổ biến thì điều kiện sản xuất sẽ do các TSCD mới quyết định .Phần giá trị chuyển dịch được tính vào giá trị sản phẩm sẽ được tính theo mức của TSCD mới

Tỷ lệ hao mòn loại 2 được xác định theo công thức sau:

$$V_2 = \frac{G_k}{G_d} * 100\%$$

**Trong đó :**

V<sub>2</sub>:tỷ lệ hao mòn vô hình loại 2

G<sub>k</sub>:Giá trị của TSCD cũ không chuyển dịch được vào giá trị sản phẩm

G<sub>d</sub>:giá mua ban đầu của TSCD

+Hao mòn vô hình loại 3:

Tài sản cố định bị mất giá trị hoàn toàn do chấm dứt chu kỳ sống của sản phẩm ,tất yếu dẫn đến những TSCD sử dụng để chế tạo các sản phẩm đó cũng bị lạc hậu ,mất tác dụng.Hoặc trong các trường hợp các máy móc thiết bị ,quy trình công nghệ....còn nằm trên các dự án thiết kế ,các bản dự thảo phát minh song đã trở nên lạc hậu.Điều này cho thấy hao mòn vô hình không chỉ xảy ra với TSCD hữu hình mà cả TSCD vô hình

Nguyên nhân cơ bản của hao mòn vô hình là sự phát triển của tiến bộ khoa học kỹ thuật .Do đó biện pháp hiệu quả nhất để khắc phục hao mòn vô hình là doanh nghiệp phải coi trọng đổi mới kỹ thuật công nghệ sản xuất ,ứng dụng kịp thời các thành tựu tiến bộ khoa học kỹ thuật.Điều này có ý nghĩa rất quyết định trong việc tạo ra các lợi thế cho doanh nghiệp trong cạnh tranh trên thị trường.



### **1.1.5.2/Trích khấu hao TSCD và sử dụng tiền trích khấu hao hiện hành :**

#### ***\*/Các phương pháp trích khấu hao TSCD:***

Căn cứ khả năng đáp ứng các điều kiện áp dụng quy định cho từng phương pháp trích khấu hao TSCD ,doanh nghiệp được lựa chọn các phương pháp trích khấu hao phù hợp với từng loại TSCD của doanh nghiệp.Theo quyết định số 206/QĐ-BTC ngày 12-12-2003 của Bộ Tài Chính có 3 phương pháp trích khấu hao TSCD :

#### **+Phương pháp khấu hao theo đường thẳng:**

TSCD tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng .

Các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả kinh tế cao được khấu hao nhanh nhưng tối đa không quá 2 lần mức khấu hao xác định theo phương pháp đường thẳng để nhanh chóng đổi mới công nghệ .TSCD tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao nhanh như máy móc,thiết bị,dụng cụ làm việc đo lường ,thí nghiệm ,thiết bị phương tiện vận tải ,dụng cụ quản lý,súc vật ,cây lâu năm.Khi thực hiện trích khấu hao nhanh doanh nghiệp phải đảm bảo kinh doanh có lãi .

#### **+Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh :**

TSCD tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh phải thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

-Là TSCD đầu tư mới (chưa qua sử dụng)

-Là các loại máy móc thiết bị, dụng cụ đo lường làm vật thí nghiệm. Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh được áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực công nghệ đòi hỏi phải thay đổi phát triển nhanh .

#### **+Phương pháp khấu hao theo số lượng,khối lượng sản phẩm:**

TSCD tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao theo phương pháp này là các loại máy móc thiết bị thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

\_Liên quan trực tiếp đến việc sản xuất sản phẩm

\_Xác định được tổng số lượng tài sản, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của TSCD

\_Công suất sử dụng thực tế bình quân tháng trong năm tài chính không thấp hơn 50% công suất thiết kế

Doanh nghiệp phải đăng ký phương pháp trích khấu hao TSCD mà doanh nghiệp lựa chọn áp dụng với cơ quan thuế trực tiếp quản lý trước khi thực hiện trích khấu hao. Trường hợp việc lựa chọn của doanh nghiệp không trên cơ sở có đủ các điều kiện quy định thì cơ quan thuế có trách nhiệm thông báo cho doanh nghiệp biết để thay đổi phương pháp khấu hao cho phù hợp .

Phương pháp khấu hao áp dụng cho từng TSCD mà doanh nghiệp đã lựa chọn và đăng ký phải thực hiện nhất quán trong suốt quá trình sử dụng TSCD

#### ***\*/Sử dụng số tiền trích khấu hao :***

Theo điều 14 sử dụng số tiền khấu hao TSCD Doanh nghiệp phải sử dụng số khấu hao TSCD theo quyết định của pháp luật

## **1.2/HẠCH TOÁN KẾ TOÁN TSCD**

TSCD được chia làm 2 loại như đã nói ở phần trên: TSCD hữu hình và TSCD vô hình. Song do thời gian hạn hẹp, đề tài nghiên cứu rộng nên trong bài khóa luận này em xin được phép trình bày về phần TSCD hữu hình:

### **1.2.1/Nguyên tắc cần tôn trọng khi hạch toán TSCD :**

-Phải xác định đúng nguyên giá ban đầu, nguyên giá thực tế hình thành TSCD và giá trị còn lại của tài sản cố định.

-Giá trị còn lại của TSCD trên sổ sách của tài sản được xác định theo công thức sau:

Giá trị còn lại trên

$$\text{sổ kế toán của TSCD} = \text{nguyên giá của TSCD} - \text{Số khấu hao của TSCD}$$

-Nguồn hình thành của TSCD

-Phân loại TSCD theo đúng tiêu thức phân loại hiện hành để phục vụ cho công tác quản lý tại doanh nghiệp và tổng hợp chỉ tiêu của nhà nước

-Mỗi TSCD phải có bộ hồ sơ riêng và có thẻ riêng.

-Trình bày TSCD trên bảng cân đối kế toán theo giá trị còn lại của TSCD nhưng riêng biệt theo ba chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại

## **1.2.2/Kế toán chi tiết TSCD:**

### **1.2.2.1/Các chứng từ sử dụng :**

Mỗi trường hợp tăng, giảm TSCD đều phải lập chứng kế toán để làm căn cứ quản lý cho việc ghi chép và kiểm tra.

Chứng từ phản ánh tình hình tăng giảm TSCD bao gồm:

-Biên bản giao nhận TSCD: Đây là chứng từ xác nhận việc giao nhận TSCD sau khi hoàn thành công việc xây dựng, mua sắm được cấp phát ... đưa vào sử dụng tại đơn vị bàn giao cho đơn vị khác theo lệnh của cấp trên , theo hợp đồng liên doanh.

Biên bản giao nhận TSCD lập cho từng TSCD .Trương hợp giao nhận cùng 1 lúc nhiều tài sản cùng loại ,cung giá trị và cho cùng 1 đơn vị giao có thể lập chung 1 biên bản giao nhận TSCD

\_Biên bản thanh lý TSCD:Đây là chứng từ xác nhận việc thanh lý TSCD,làm căn cứ cho việc ghi giảm TSCD .Biên bản thanh lý TSCD do ban thanh lý TSCD lập và phải có đầy đủ chữ ký,họ tên trưởng ban thanh lý,kế toán trưởng và thủ trưởng đơn vị .

\_Biên bản bàn giao TSCD sửa chữa lớn hoàn thành :xác nhận việc giao TSCD sau khi hoàn thành việc sửa chữa lớn giữa bên có TSCD sửa chữa và bên thực hiện sửa chữa.Đây là căn cứ ghi sổ kế toán và thanh toán chi phí sửa chữa TSCD.

\_Biên bản đánh giá lại TSCD :Xác nhận việc đánh giá lại TSCD và làm căn cứ để ghi sổ kế toán và các tài liệu liên quan đến số chênh lệch (tăng,giảm)do đánh giá lại TSCD

\_Biên bản kiểm kê TSCD:Biên bản kiểm kê TSCD nhằm xác nhận số lượng, giá trị TSCD hiện có ,thừa thiếu so với sổ kế toán trên cơ sở đó tăng cường quản lý TSCD và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất ghi sổ kế toán số chênh lệch.

### **1.2.2.2/Các sổ sách sử dụng**

\_Sổ tài sản cố định

\_Sổ theo dõi TSCD tại nơi sử dụng

\_Thẻ TSCD

\_Sổ chi tiết thanh toán với người bán .

Thực hiện tổng hợp thông tin theo dõi đối tượng chi tiết đối chiếu với kế toán tổng hợp để cung cấp cho các bộ phận có liên quan.

### **1.2.3/Kế toán tổng hợp TSCD**

#### **1.2.3.1/Sổ sách chứng từ phục vụ cho việc hạch toán**

*\*/Sổ sách sử dụng:*

Sổ cái TK 211

Sổ cái TK 214

*\*/Tài khoản sử dụng:*

Sử dụng 2 TK chính là TK211 và TK 214

**TK211**-Tài sản cố định hữu hình; Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng giảm của toàn bộ TSCD hữu hình của DN theo nguyên giá :

**Kết cấu TK 211:**

**Bên nợ:**

\_Nguyên giá của TSCD hữu hình tăng do mua XDCB hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng ,do mua sắm,do nhận vốn góp liên doanh,do được cấp phát tặng biếu ,tài trợ.....

\_Điều chỉnh tăng nguyên giá của TSCD do xây lắp ,trang thiết bị thêm do cải tạo nâng cấp....

**Bên có:**

\_Nguyên giá của TSCD giảm do điều chuyển cho đơn vị khác ,do nhượng bán thanh lý hoặc đem đi góp vốn liên doanh....

\_Nguyên giá của TSCD giảm do tháo dỡ một hoặc một số bộ phận

\_Điều chỉnh giảm nguyên giá TSCD do đánh giá lại

**Số dư bên nợ:**

-phản ánh Nguyên giá TSCD hữu hình hiện có tại doanh nghiệp.

*Tài khoản 211 có các tài khoản cấp 2 sau:*

+TK2111:-nhà cửa ,vật kiến trúc

+TK2112-máy móc ,thiết bị

+TK2113-phương tiện vận tải, truyền dẫn

+TK2114-thiết bị dụng cụ dùng cho quản lý

+TK2115-cây lâu năm .súc vật làm việc và cho sản phẩm

+TK2118-TSCD hữu hình khác

**TK214-** Hao mòn TSCD:Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình tăng giảm giá trị hao mòn và giá trị hao mòn lũy kế của các loại TSCD và bất động sản (BDS)đầu tư trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCD ,BDS đầu tư vào những khoản tăng giảm hao mòn khác của TSCD ,B DS đầu tư.

**Kết cấu TK214:**

**Bên Nợ:**\_ Giá trị hao mòn TSCD,B DS đầu tư cho giảm do TSCD ,B DS đầu tư thanh lý nhượng bán ,điều động cho đơn vị khác ,góp vốn liên doanh

**Bên có:**\_ giá trị hao mòn TSCD,B DS đầu tư tăng do trích khấu hao TSCD ,B DS đầu tư

**Số dư bên có :**

Giá trị hao mòn lũy kế của TSCD ,B DS đầu tư hiện có tại đơn vị.

*Tài khoản 214 có các tài khoản cấp 2 sau:*

+TK2141-hao mòn TSCD hữu hình

+TK2142-hao mòn TSCD thuê tài chính

+TK2143-hao mòn TSCD vô hình

+TK2147-hao mòn bất động sản đầu tư

Ngoài ra còn sử dụng 1 số TK liên quan như TK111,112,131,411,431,414.....

### **1.2.3.2/Kế toán tăng,giảm TSCD:**

TSCD của đơn vị tăng do được giao vốn,(đối với DNNN),nhận góp vốn bằng TSCD ,do mua sắm,do công tác xây dựng cơ bản đã có ứng dụng đưa vào sử dụng,do được viện trợ biếu tặng.

Một số nghiệp vụ chủ yếu:

(1)Trường hợp nhận góp vốn hoặc nhận cấp vốn TSCD hữu hình ghi :

Nợ TK211

Có Tk411

(2)Trường hợp TSCD được mua sắm :

2.1-Trường hợp mua sắm TSCD hữu hình (kể cả mua mới hoặc mua lại TSCD đã sử dụng )dùng vào sản xuất,kinh doanh hàng hóa ,dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ,căn cứ các chứng từ có liên quan đến việc mua sắm TSCD ,kế toán xác định nguyên giá TSCD ,lập hồ sơ kế toán,biên bản giao nhận TSCD ,ghi:

NợTk211

NỢTK133

CÓ TK331

CÓ TK341

2.2-Trường hợp mua TSCD dùng vào sản xuất kinh doanh hàng hóa ,dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp ghi :\

NỢ TK 211

CÓ TK 111,1112.....

CÓ TK 331

CÓ TK341

2.3-Nếu TSCD được mua sắm bằng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoặc quỹ đầu tư phát triển của DN dùng vào SXKD ,kế toán phải ghi tăng nguồn vốn kinh doanh ,giảm nguồn vốn xây dựng cơ bản hoặc quỹ đầu tư phát triển khi quyết toán được duyệt,ghi:

NỢ TK414

NỢTK 441

CÓTK411

(3) Trường hợp mua sắm TSCD theo phương pháp trả chậm, trả góp:

\_ Khi mua TSCD hữu hình theo phương thức trả chậm trả góp đưa về sử dụng ngay cho SXKD ,ghi:

NỢ TK 211

NỢ TK 133

NỢ TK 242

CÓ TK 331

\_ Định kỳ thanh toán tiền cho người bán ,ghi:

NỢ TK 331

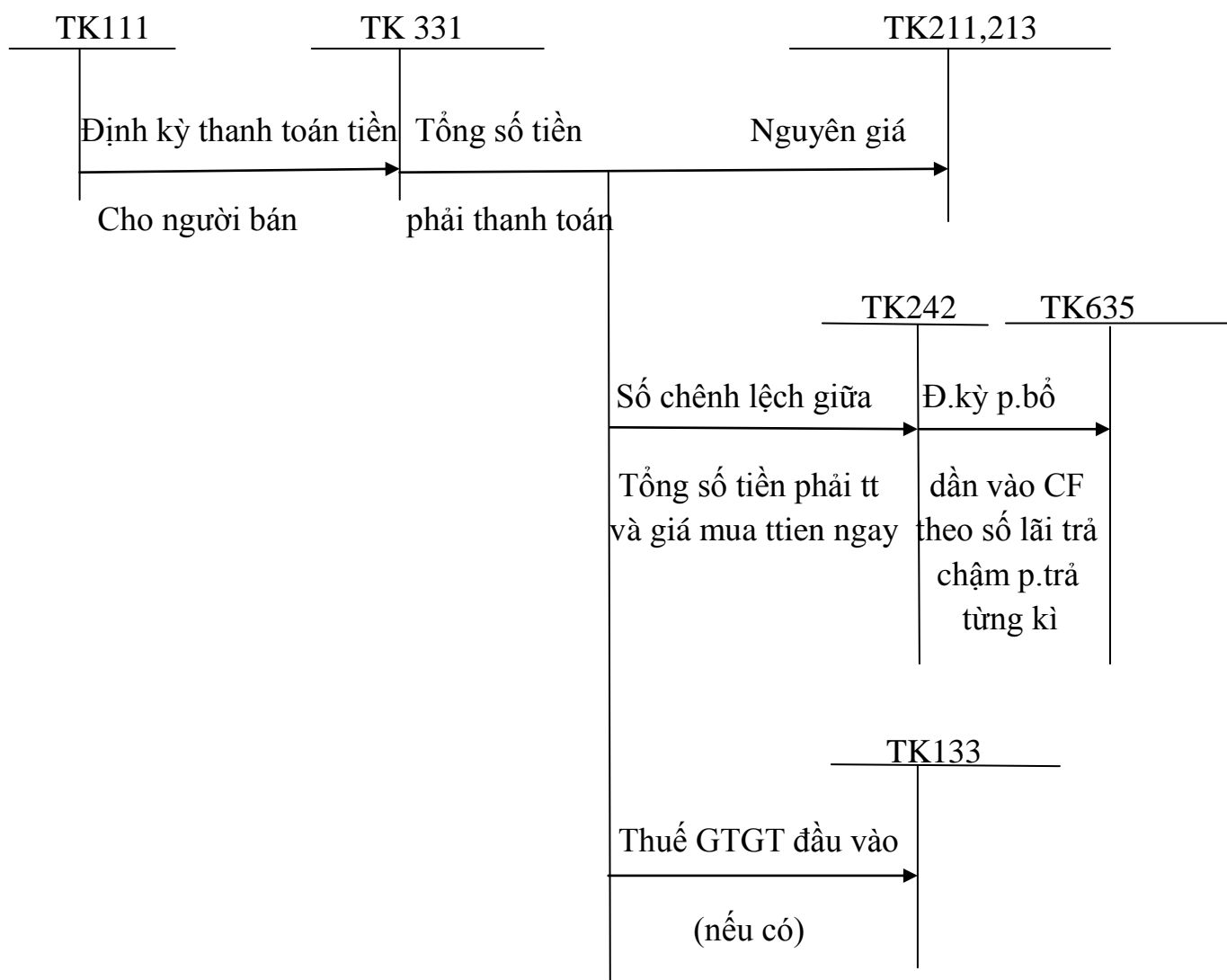
CÓ TK 111,112

\_ Định kỳ tính vào chi phí theo số lãi trả chậm , trả góp phải trả cho từng thời kỳ ,ghi:

NỢ TK 635

CÓ TK 242

## Sơ đồ 1



(4) Trường hợp doanh nghiệp được tài trợ,biểu tặng TSCD hữu hình đưa vào sử dụng ngay cho SXKD ,ghi:

NỢTK 211

CÓ TK 711

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến TSCD hữu hình được tài trợ ,biểu tặng tính vào nguyên giá:

NỢTK211

CÓTK 111,112,331.....

(5) Trường hợp TSCD mua dưới hình thức trao đổi:



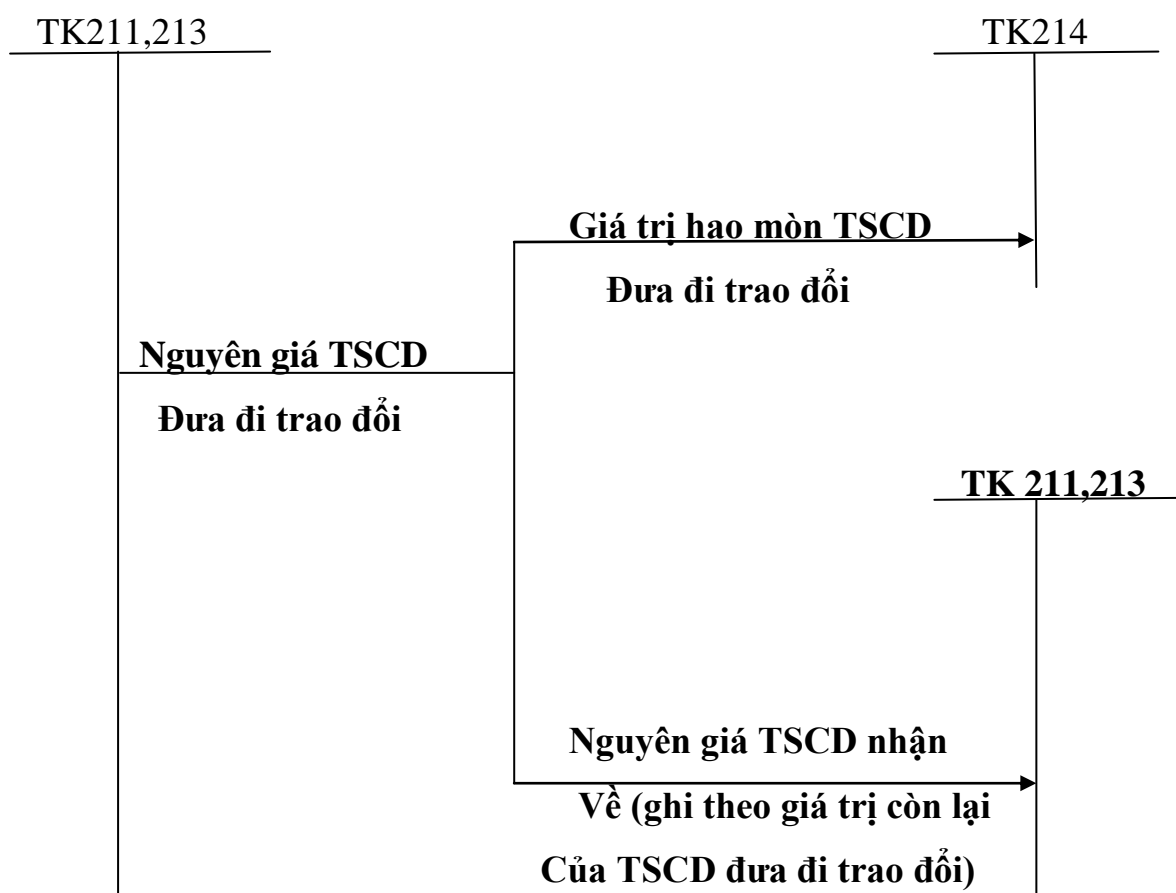
-TSCD hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với TSCD hữu hình tương tự:

NỢ TK 211

NỢ TK 214

CÓ TK 211

## Sơ đồ 2



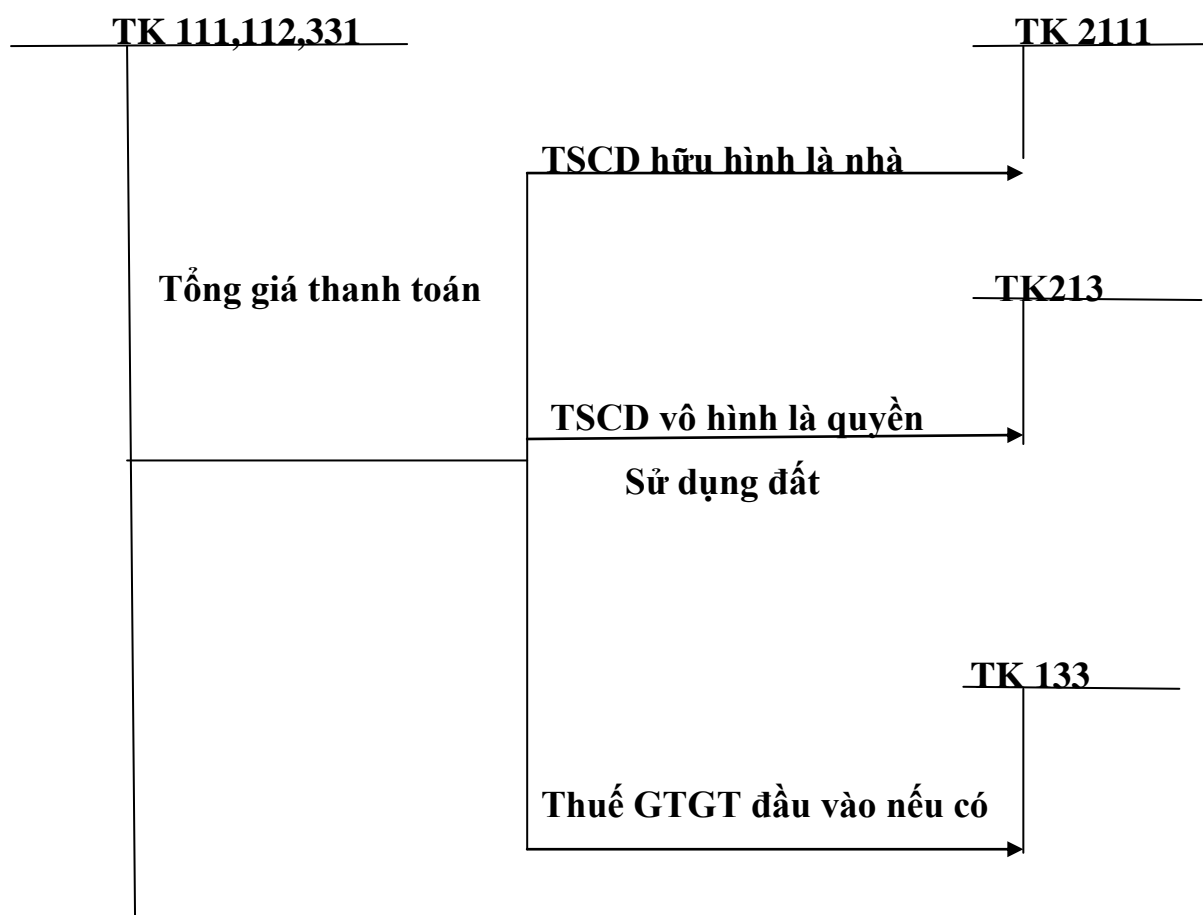
(6) Trường hợp TSCD là nhà cửa vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất, đưa vào sử dụng ngay cho hoạt động SXKD, ghi:

NỢ TK 211,213

NỢ TK133

CÓ TK 111,112,331...

### Sơ đồ 3



TSCD hữu hình của đơn vị giảm do thanh lí ,nhượng bán ,mất mát,phát hiện thiếu khi kiểm kê,đem góp vốn liên doanh ,điều chuyển cho đơn vị khác ,tháo dỡ 1 hay 1 số bộ phận....Trong mọi trường hợp giảm TSCD hữu hình ,kế toán phải làm đầy đủ thủ tục,xác định đúng những khoản thiệt hại và thu nhập (nếu có).

Một số nghiệp vụ giảm TSCD chủ yếu:

(1)Trường hợp nhượng bán TSCD dùng vào SX ,kinh doanh ,dùng cho hoạt động sự nghiệp ,dự án:

TSCD nhượng bán thường là những TSCD không cần dùng hoặc xét thấy sử dụng không có hiệu quả.Khi nhượng bán TSCD phải làm đầy đủ các thủ tục cần thiết (lập hội đồng xác định giá ,thông báo công khai và tổ chức đấu giá ,có hợp

đồng mau bán biên bản giao nhận TSCD..)Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCD và các chứng từ liên quan đến nhượng bán TSCD:

1.1-Trường hợp nhượng bán TSCD dùng vào sản xuất ,kinh doanh:

-Nếu doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ ,số thu về nhượng bán TSCD ghi:

NỢ các TK 111,112,131.....

CÓTK 3331

CÓTK711

-Nếu doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp ,số tiền thu về nhượng bán TSCD,ghi:

NỢ TK 111,112,131.....

CÓ TK 711

-Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCD để ghi giảm TSCD đã nhượng bán :

NỢ TK 214-hao mòn TSCD (2141)

NỢ TK 881

CÓ TK 211

-Các chi phí phát sinh liên quan đến nhượng bán TSCD được phản ánh vào bên nợ TK811”chi phí khác”

1.2-Trường hợp nhượng bán TSCD hữu hình dùng vào hoạt động xự nghiệp dự án:

-Căn cứ biên bản giao nhận TSCD để ghi giảm TSCD đã nhượng bán:

NỢ TK 466

NỢ TK 214

CO TK 211

-Số tiền thu,chi liên quan đến nhượng bán TSCD hữu hình ghi vào các tài khoản liên quan theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

1.3-Trường hợp nhượng bán TSCD hữu hình dùng vào hoạt động văn hóa,phúc lợi:

-Căn cứ biên bản giao nhận TSCD để ghi giảm TSCD nhượng bán ghi:

NỢ TK 431(4313)

NỢ TK 214

CÓ TK 211

-Đồng thời phản ánh số thu về nhượng bán TSCD ,ghi:

NỢ TK 111,112.....

CÓ TK 431(4312)

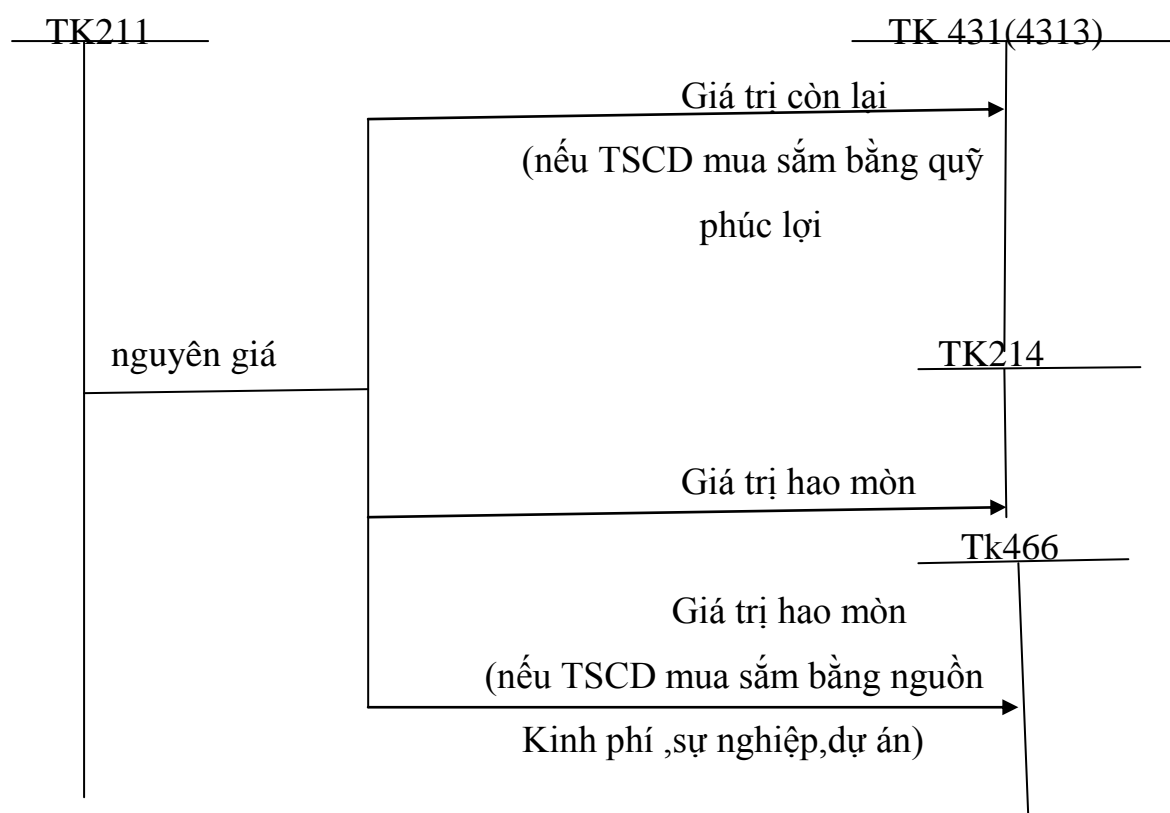
CÓ TK 333(3331)

-Phản ánh số chi về nhượng bán TSCD ,ghi:

NỢ TK 431(4312)

CÓ TK 111,112,.....

## Sơ đồ 4



### (2) Trường hợp thanh lý TSCD :

TSCD thanh lý là những TSCD hư hỏng không thể tiếp tục sử dụng được, những TSCD lạc hậu về kỹ thuật hoặc không phù hợp với yêu cầu sản xuất, kinh doanh. Khi có TSCD thanh lý, đơn vị phải ra quyết định thanh lý, thành lập hội đồng thanh lý TSCD. Hội đồng thanh lý TSCD có nhiệm vụ tổ chức thực hiện việc thanh lý TSCD theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định trong chế độ quản lý tài chính và lập "biên bản thanh lý TSCD" theo mẫu quy định. Biên bản được thành lập 2 bản, 1 bản chuyển cho phòng kế toán để theo dõi ghi sổ, 1 bản giao cho đơn vị quản lý, sử dụng TSCD.

Căn cứ vào biên bản thanh lý và các chứng từ có liên quan đến các khoản thu, chi thanh lý TSCD, .... kế toán ghi sổ như trường hợp nhượng bán TSCD.

(3)Góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát bằng TSCD ,ghi:

3.1-Khi góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát bằng TSCD ghi:

NỢ TK 222

NỢ TK 214

NỢ TK 811

CÓ TK 211

CÓTK 3387

CÓ TK 711

3.2-Định kỳ căn cứ vào thời gian sử dụng hữu ích của TSCD mà cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sử dụng,kế toán phân bổ doanh thu chưa thực hiện vào thu nhập khác trong kỳ ,ghi:

NỢ TK 3387

CÓ TK 711

(4)Kế toán TSCD hữu hình phát hiện thừa, thiếu :

Mọi trường hợp phát hiện thừa hoặc thiếu TSCD đều phải truy tìm nguyên nhân .Căn cứ vào “Biên bản kiểm kê TSCD “và kết luận của hội đồng kiểm kê để hạch toán chính xác ,kịp thời,theo từng nguyên nhân cụ thể;

(4.1)-TSCD phát hiện thừa:

-Nếu TSCD phát hiện thừa do để ngoài sổ sách(chưa ghi sổ),kế toán phải căn cứ vào hồ sơ TSCD để ghi tăng TSCD theo từng trường hợp cụ thể,ghi;

NỢ TK 211

CÓ TK 214,331,338,411....

-Nếu TSCD thừa đang sử dụng thì ngoài nghiệp vụ ghi tăng TSCD hữu hình ,phải căn cứ vào nguyên giá và tỷ lệ khấu hao để xác định giá trị hao mòn làm căn cứ tính,trích bổ sung khấu hao TSCD hoặc trích bổ sung hao mòn đối với TSCD dùng cho hoạt động phúc lợi,sự nghiệp ,dự án:

Nợ các TK chi phí sản xuất kinh doanh:

NỢ TK 4313

NỢ TK 466

CÓTK 214

-Nếu TSCD phát hiện thừa hoặc xác định là TSCD của đơn vị khác (4).kế toán TSCD hữu hình phát hiện thừa thiếu:

Mọi trường hợp phát hiện thừa hoặc thiếu TSCD đều phải truy tìm nguyên nhân .căn cứ vào “biên bản kiểm kê TSCD”và kết luận của hội đồng kiểm kê để hạch toán chính xác ,kịp thời ,theo từng nguyên nhân cụ thể

4.1-TSCD phát hiện thừa;

\_Nếu TSCD phát hiện thừa do để ngoài sổ sách (chưa ghi sổ)kế toán phải căn cứ vào hồ sơ TSCD để ghi tăng TSCD theo từng trường hợp cụ thể,ghi:

\_Nếu TSCD thừa đang sử dụng thì ngoài nghiệp vụ ghi tăng TSCD hữu hình ,phải căn cứ vào nguyên giá và tỷ lệ khấu hao để xác định giá trị hao mòn đối với TSCD dùng cho hoạt động phúc lợi ,sự nghiệp ,dự án:

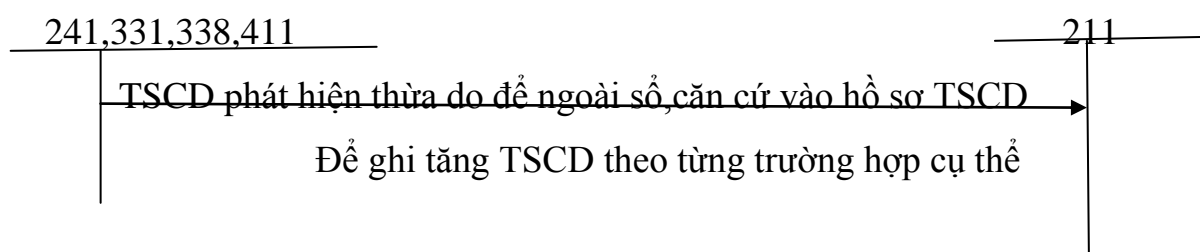
NỢ các Tk chi phí sản xuất kinh doanh

NỢ TK 4313

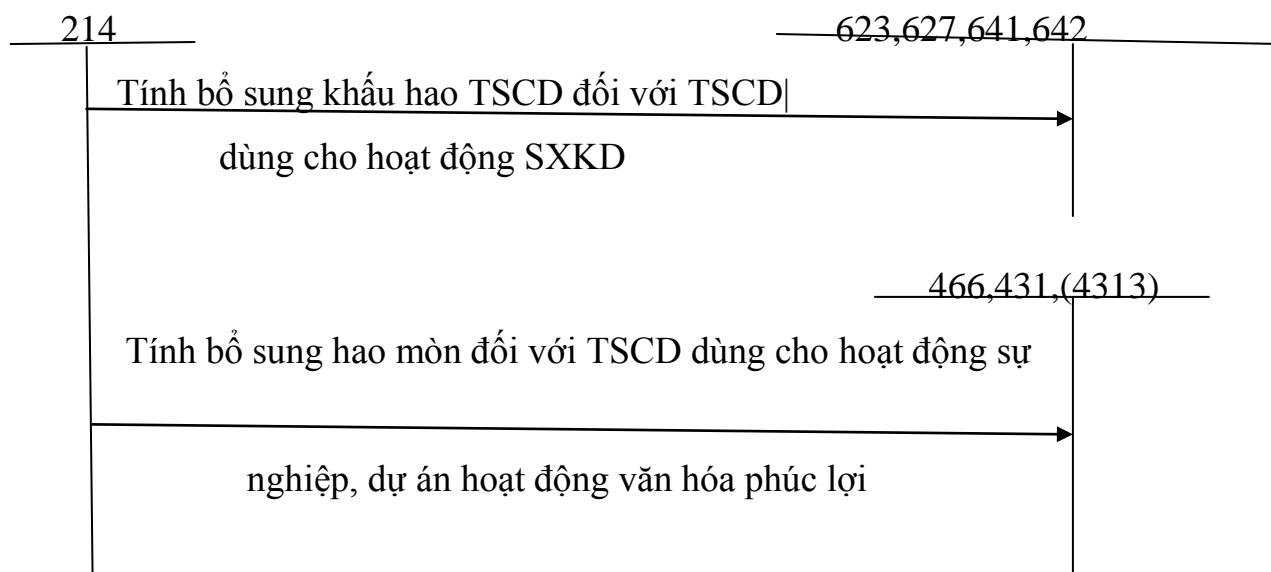
NỢ TK 466

CÓ TK 214

### Sơ đồ 5:



Nếu TSCD thừa đang sử dụng, đồng thời ghi



Nếu không xác định được đơn vị chủ tài sản thì phải báo ngay cho cơ quan cấp trên và cơ quan tài chính cùng thì phải báo cáo ngay cho đơn vị chủ tài sản đó biết. Nếu không xác định được đơn vị chủ TS thì phải báo ngay cho cơ quan cấp trên và cơ quan tài chính cùng cấp (nếu là DNNN) biết để xử lý. Trong thời gian chờ xử lý, kế toán phải căn cứ vào tài liệu kiểm kê, tạm thời phản ánh vào tài khoản 002 "vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công" (tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán) để theo dõi giữ hộ.

4.2-TSCD phát hiện thiếu phải được truy cứu nguyên nhân, xác định người chịu trách nhiệm và xử lý theo chế độ tài chính hiện hành.

-Trường hợp có quyết định xử lý ngay: Căn cứ "Biên bản xử lý TSCD thiếu" đã được duyệt vào hồ sơ TSCD, kế toán phải xác định chính xác nguyên giá, giá trị hao mòn của TSCD đó làm căn cứ ghi giảm TSCD và xử lý vật chất phần giá trị còn lại của TSCD. Tùy thuộc vào quyết định xử lý ghi:



+Đối với TSCD thiếu dùng vào sản xuất ,kinh doanh ghi:

NỢ TK 214

NỢ TK 111,334,138,...

NỢ TK 411

NỢ TK 811

CÓ TK 211

+Đối với TSCD thiếu dùng vào hoạt động văn hóa,phúc lợi:

a/phản ánh giảm TSCD ,ghi;

NỢ TK 214

NỢ TK 4313

CÓ TK 211

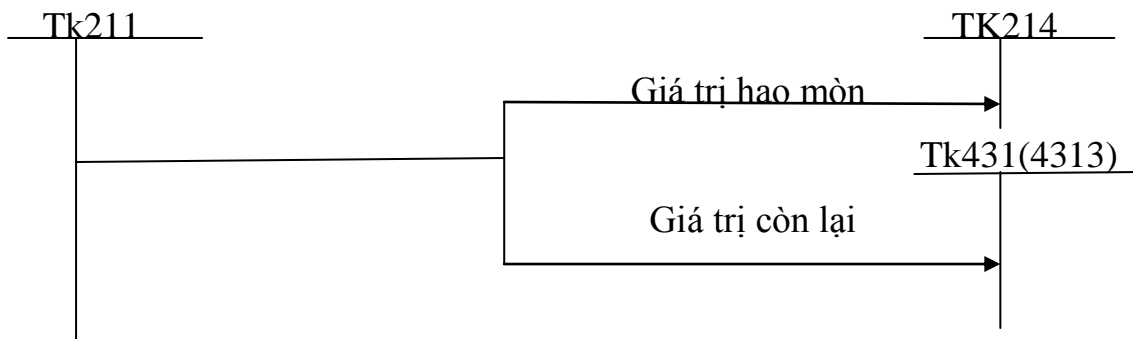
b/Đối với phần giá trị còn lại của TSCD thiếu phải thu hồi theo quyết định sử lý ,ghi;

NỢ TK 111

NỢ TK 334

CÓ TK 4312

**Sơ đồ 6:**



-Trường hợp TSCD thiếu chưa xác định được nguyên nhân chờ xử lý:

+Đối với TSCD thiếu dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh;:

a/phán ánh giảm TSCD .Phần giá trị còn lại của TSCD thiếu ,ghi:

NỢ TK 214

NỢ TK 138

CÓ TK 211

b/Khi quyết định xử lý giá trị còn lại của TSCD thiếu ,ghi:

NỢ TK111

NỢ TK 138

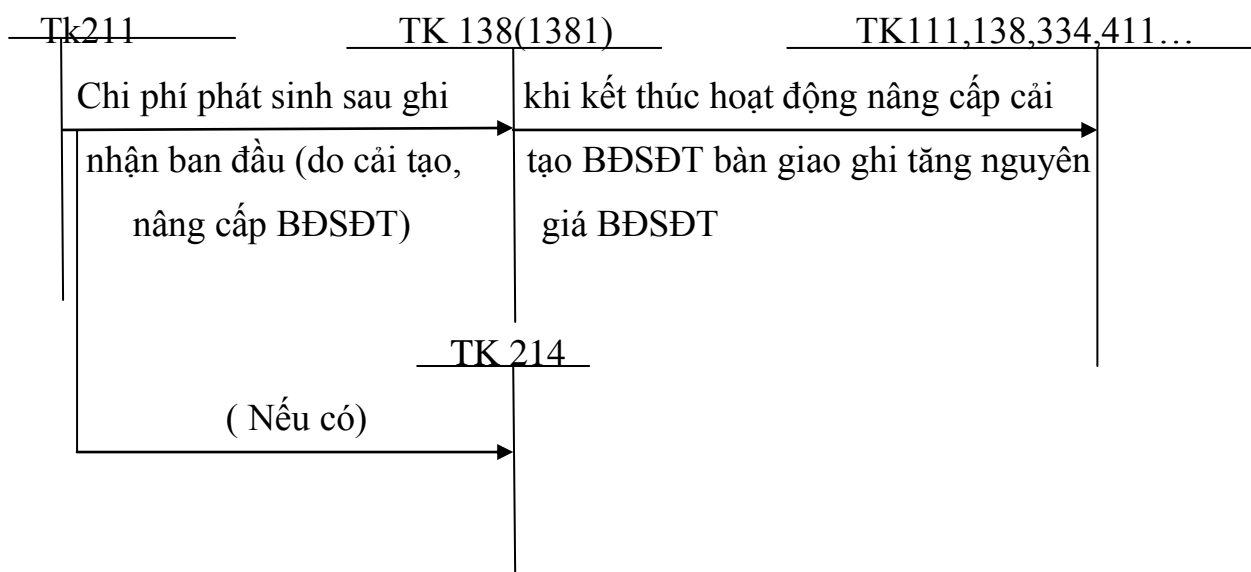
NỢ TK 334

NỢ TK 411

NỢ TK 811

CÓ TK 138(1381)

### Sơ đồ 7:



+Đối với TSCD thiếu dùng vào hoạt động sự nghiệp ,dự án:

a/Phản ánh giảm TSCD ,ghi;

NỢ TK 214

NỢ TK 466

CÓ TK 211

Đồng thời phản ánh giá trị còn lại TSCD thiếu vào TK 1381 “Tài sản thiếu chờ xử lý” ghi’;

NỢ TK 1381

CÓTK 338

b/Khi có quyết định thu bồi thường phần giá trị còn lại của TSCD thiếu vào các tài khoản liên quan theo quyết định của cơ quan thẩm quyền:

NỢ TK 338

Có các TK liên quan

+Đối với TSCD thiếu dùng vào hoạt động văn hóa phúc lợi:

-Phản ánh giảm TSCD ghi

NỢ TK 214

NỢ TK 4313

CÓ TK 211

Đồng thời phản ánh phần giá trị còn lại của TSCD thiếu vào TK 1381 “tài sản thiếu chờ xử lý ghi”

NỢ TK 1381

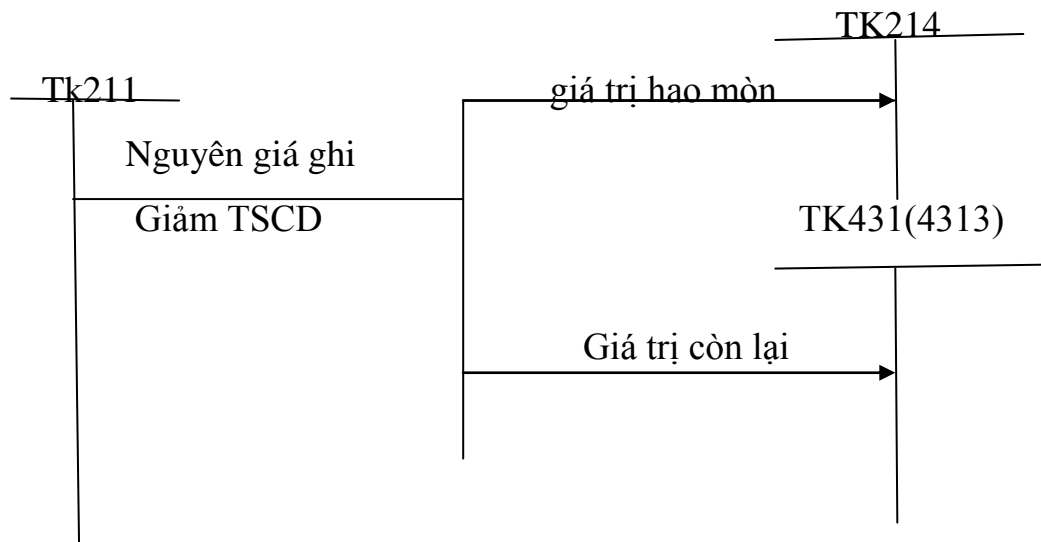
CÓ TK 4312

-Khi có quyết định xử lý thu bồi thường phần giá trị còn lại của TSCD thiếu ,ghi;

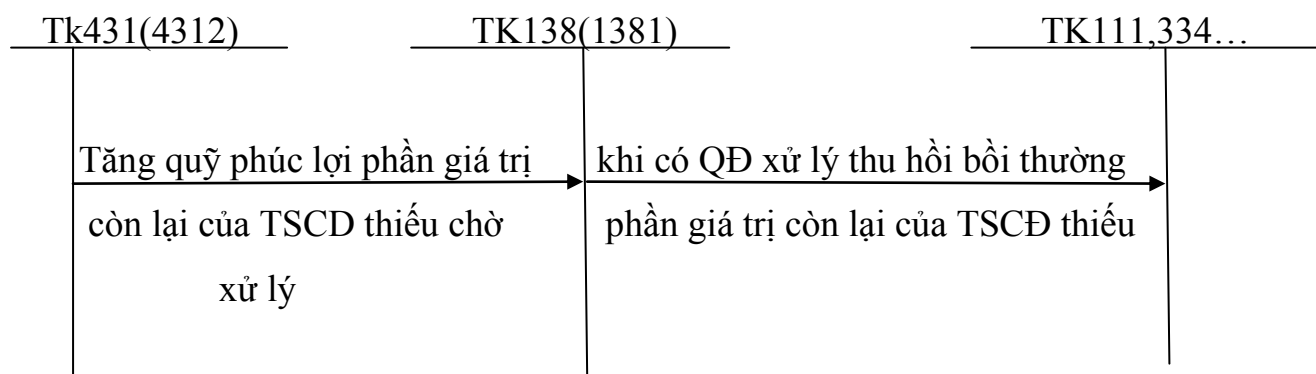
NỢ TK 111,334....

CÓ TK 1381

**Sơ đồ:**



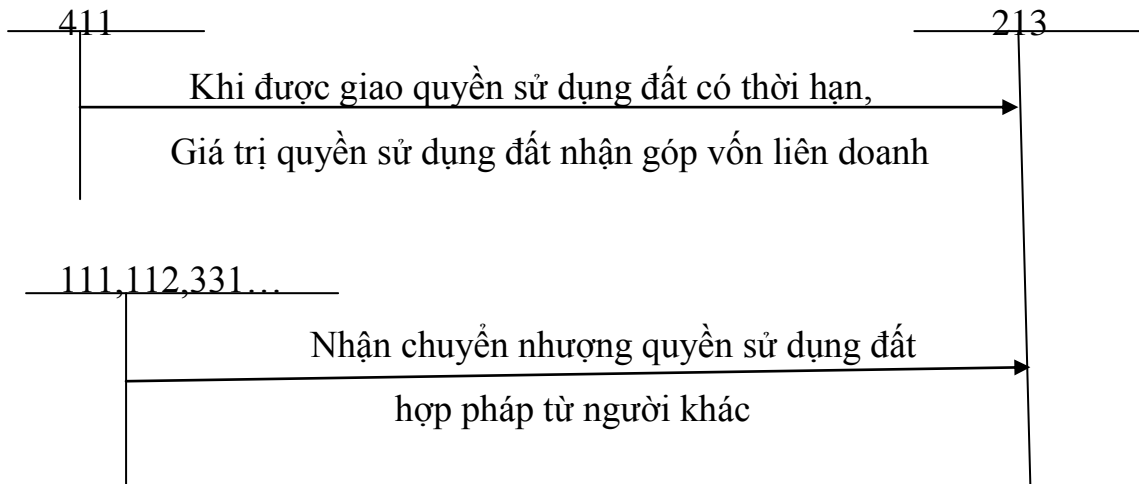
**Đồng thời ghi:**



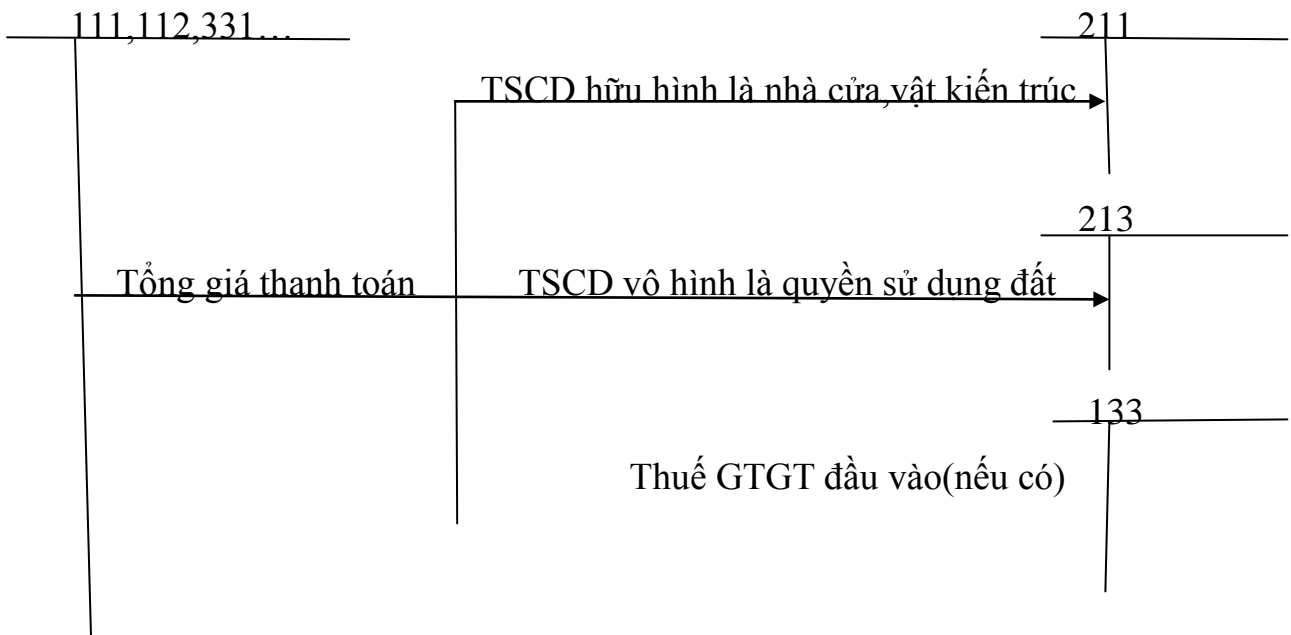
**sơ đồ 9:**

**KẾ TOÁN TĂNG TSCD VÔ HÌNH LÀ QUYỀN  
SỬ DỤNG ĐẤT CÓ THỜI HẠN**

\*/TSCD vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn:



\*/Quyền sử dụng đất được chuyển nhượng cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất:

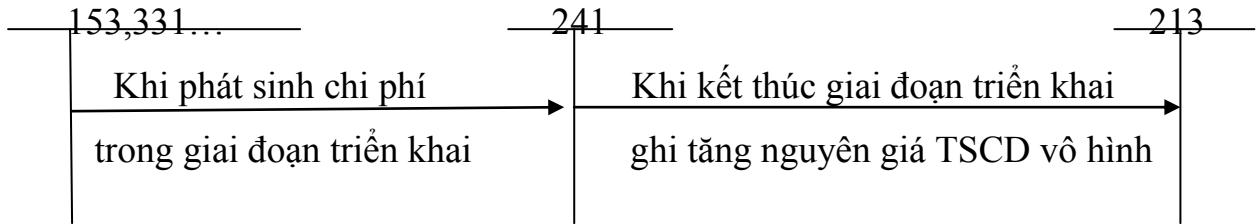


**Sơ đồ 10**

**GHI NHẬN TSCD VÔ HÌNH ĐƯỢC TẠO RA TỪ NỘI BỘ  
DOANH NGHIỆP TRONG GIAI ĐOẠN TRIỂN KHAI**

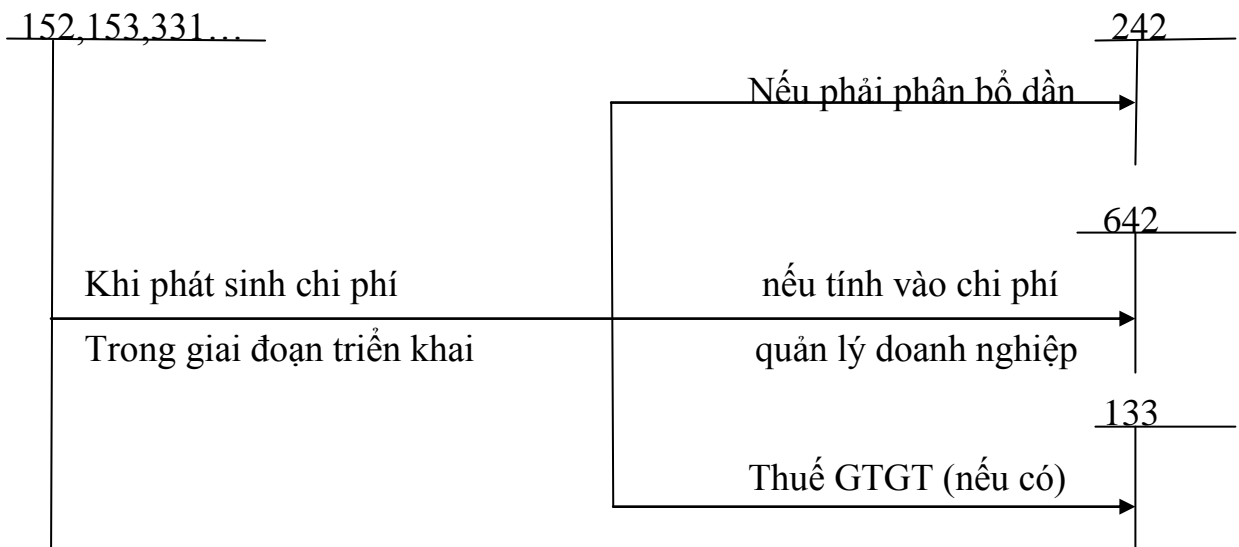
\*/khi chi phí triển khai thỏa mãn các điều kiện ghi nhận TSCD vô hình:

111,112,152



\*/khi phát sinh chi phí trong giai đoạn triển khai không thỏa mãn các điều kiện ghi nhận TSCD vô hình:

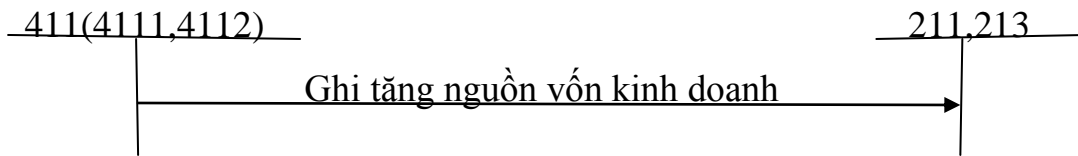
111,112



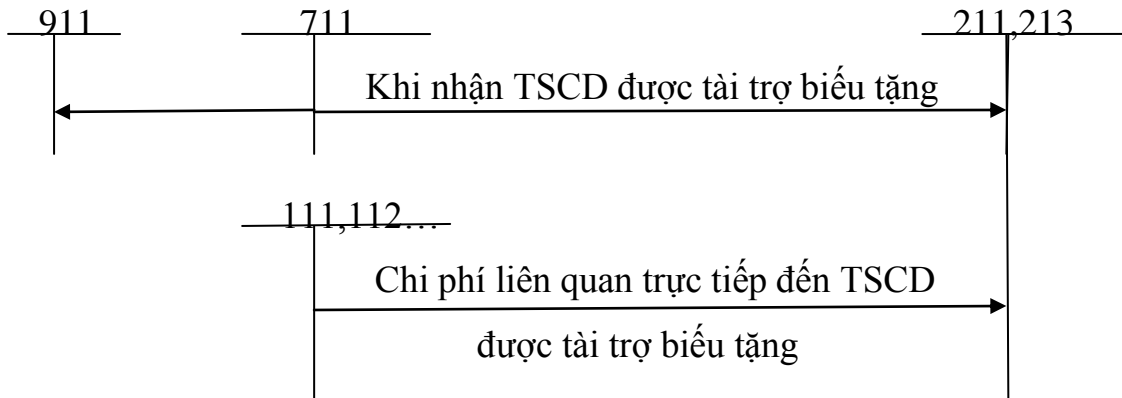
**Sơ đồ 11**

**KẾ TOÁN CÁC TRƯỜNG HỢP KHÁC GHI TĂNG TSCD**

\*/trường hợp hình thành TSCD hữu hình,vô hình từ việc trao đổi thanh toán bằng chứng từ liên quan đến quyền sở hữu vốn của các công ty cổ phần:



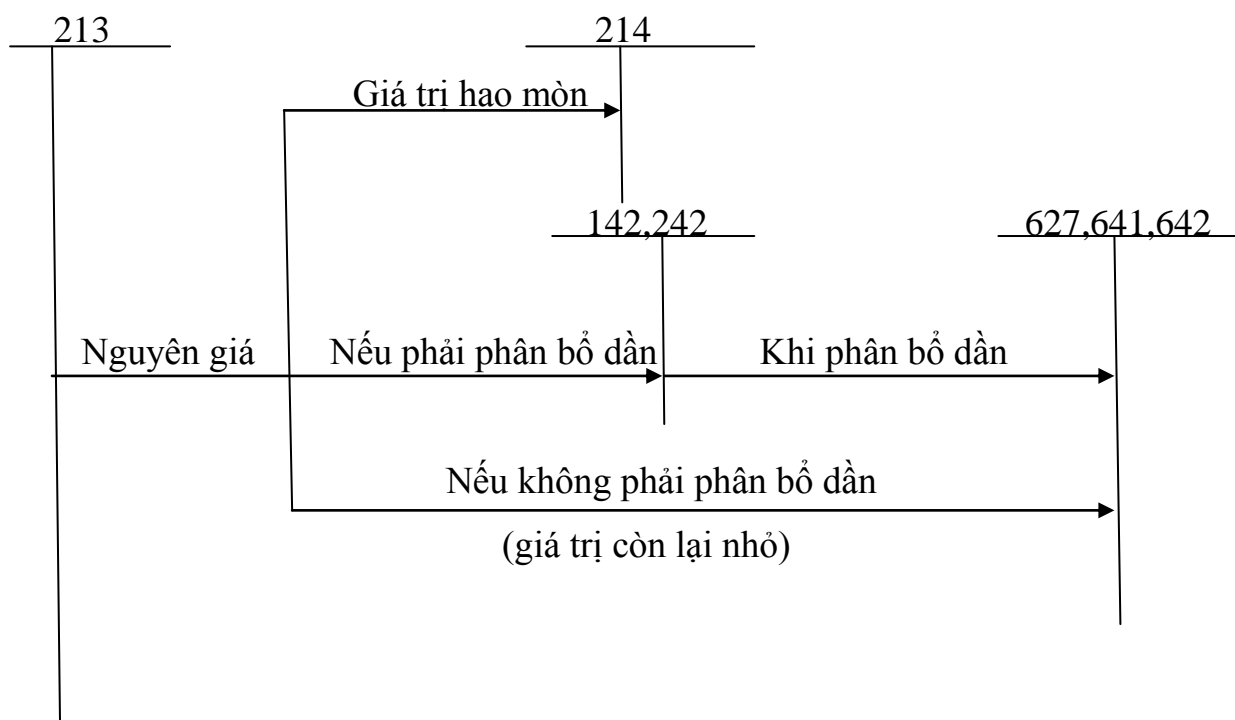
\*/trường hợp TSCD được tài trợ ,biểu tặng:



**Sơ đồ 12:**

**KẾ TOÁN GIẢM TSCD VÔ HÌNH**

(do không đủ tiêu chuẩn hoặc khi xét thấy không thu được lợi ích kinh tế từ việc sử dụng tiếp theo)



(5) Đối với TSCD hữu hình dùng cho sản xuất kinh doanh ,nếu không đủ tiêu chuẩn ghi nhận theo quy định phải chuyển thành công cụ dụng cụ ,ghi:

NỢ TK 623,627,641,641

NỢ TK242

NỢ TK214

CÓ TK 211



### **1.2.3.3/Kế toán TSCD thuê ngoài;**

#### **\*TSCD thuê tài chính:**

-Tài khoản sử dụng:TK 212-Tài sản cố định thuê tài chính

Ngoài ra còn sử dụng 1 số TK liên quan khác như;

TK133:Thuế GTGT được khấu trừ

TK342;Nợ dài hạn

TK 135:Nợ dài hạn đến hạn trả.

-Yêu cầu của TS thuê tài chính;

Thuê tài chính :là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu TS cho bên đi thuê.

Quyền sở hữu TS có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê(theo chuẩn mực mới về TSCD đi thuê)

-Các trường hợp thuê TS thường dẫn đến hợp đồng thuê TC:

a/Bên cho thuê chuyển giao quyền sở hữu TS cho bên thuê khi hết hạn thuê

b/Tại thời điểm khởi đầu thuê TS bên thuê có quyền lựa chọn mua lại hoặc thuê với mức giá ước tính thấp hơn giá trị hợp lý vào cuối thời hạn thuê.

c/Thời hạn thuê TS tối thiểu phải chiếm phần lớn thời gian sử dụng kinh tế của TS cho dù không có sự chuyển giao quyền sở hữu.

d/Tại thời điểm khởi đầu thuê TS,giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu chiếm phần lớn giá trị hợp lý của TS thuê

e/TS thuê thuộc loại chuyên dùng mà chỉ có bên thuê có khả năng sử dụng không cần có sự thay đổi lớn nào

-Hợp đồng thuê TS cũng được coi là hợp đồng thuê TC nếu hợp đồng thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện sau:

a/Nếu bên thuê TS hủy hợp đồng và đền bù tổn thất phát sinh liên quan đến việc hủy hợp đồng cho bên thuê.

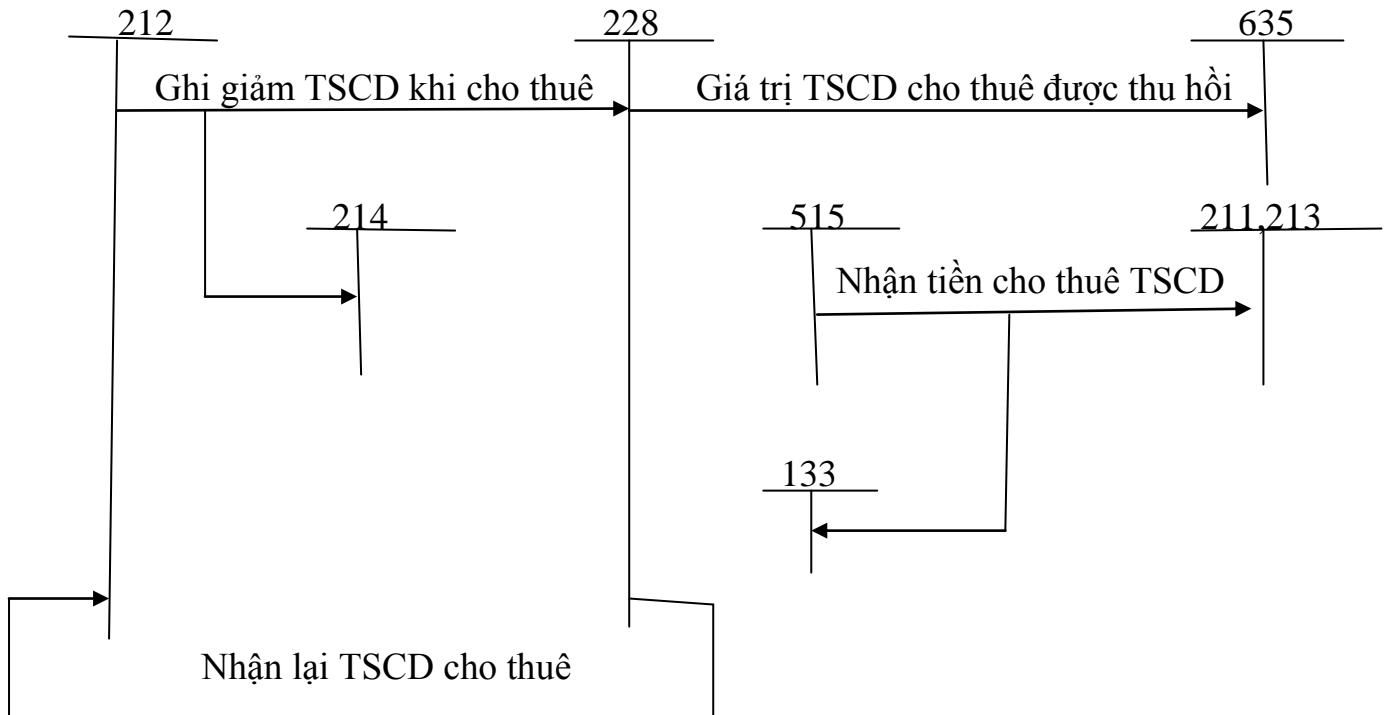
b/Thu nhập hoặc tổn thất do sự thay đổi giá trị hợp lý của giá trị còn lại cho thuê gắn với bên thuê,

c/Bên thuê có khả năng tiếp tục thuê lại TS sau khi hết hạn hợp đồng thuê với tiền thuê thấp hơn giá thuê thị trường.

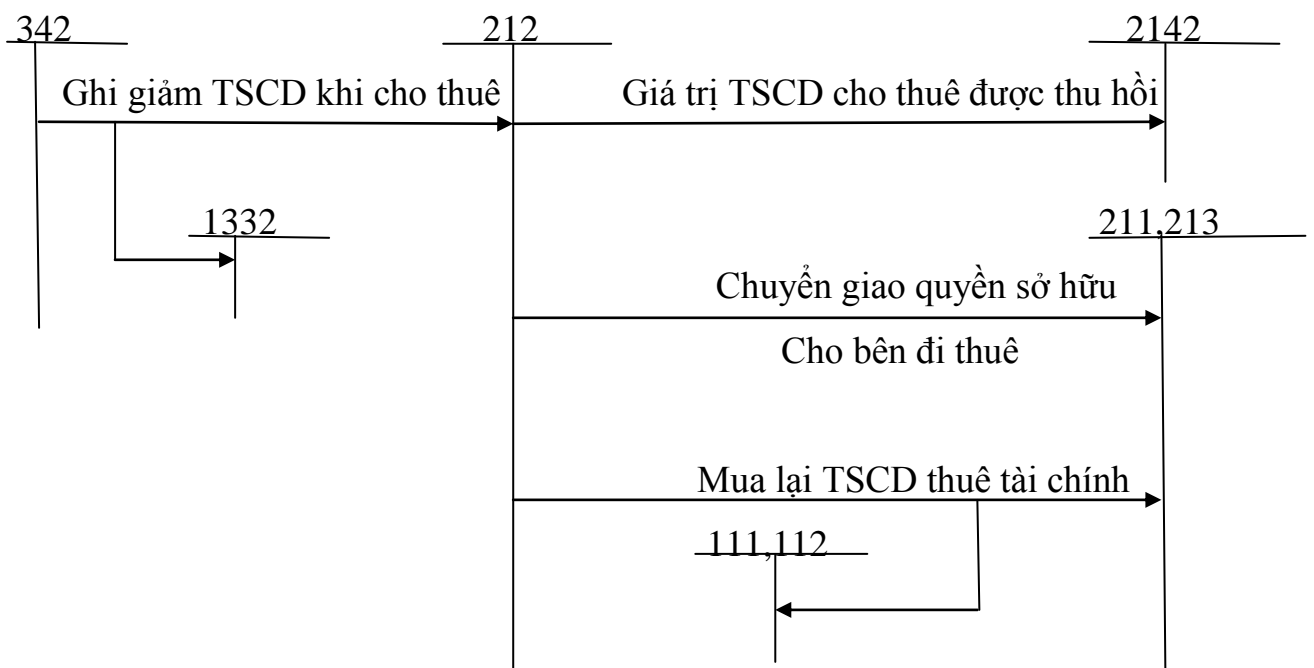
**sơ đồ 13:**

**KẾ TOÁN TSCD THUÊ TÀI CHÍNH**

**\*/bên cho thuê:**



**\*/bên đi thuê:**



***\*/TSCD thuê hoạt động:***

\_ Tài khoản sử dụng;

Để phản ánh tình hình tăng giảm TSCD thuê hoạt động kế toán sử dụng TK 001(tài khoản thuê ngoài)

-Bên nợ:Giá trị TS thuê trong kỳ.

-Bên có:Giá trị TS thuê giảm trong kỳ(trả cho bên thuê)

-Số dư bên nợ:Giá trị TS dư hiện có cuối kì.

\_Phương pháp kế toán:

Khi thuê TSCD căn cứ vào biên bản giao nhận TSCD kế toán ghi;

Nợ Tk 001:Nguyên giá TSCD

Khi kết thúc hợp đồng ,bản giao cho bên thuê kế toán ghi;

Có TK 001:Giá trị còn lại

**1.2.3.4/Kế toán khấu hao TSCD ;**

Khấu hao TSCD là nội dung rất quan trọng trong kế toán TSCD ở doanh nghiệp.Xác định đúng đắn số khấu hao phải tính và phân bổ phù hợp vào các đối tượng sử dụng TSCD vừa đảm bảo đủ nguồn vốn để tái tạo TSCD ,trả nợ vay... vừa bảo đảm hạch toán đúng đắn chi phí SXKD để tính đúng giá thành sản phẩm và kết quả kinh doanh

Về phương diện kinh tế ,khấu hao cho phép doanh nghiệp phản ánh được giá trị thực của tài sản,đồng thời làm giảm thu nhập ròng của doanh nghiệp.

Về phương diện tài chính,việc khấu hao sẽ làm giảm giá trị thực của TSCD nhưng lại làm tăng giá trị của các tài sản khác một cách tương ứng(tiền mặt,tiền gửi ngân hàng)điều này cho phép doanh nghiệp có thể mua lại TSCD khi đã khấu hao đủ.Như vậy khấu hao là phương tiện tài trợ doanh nghiệp,giúp doanh nghiệp hình thành quỹ tái tạo TSCD.

Việc tính khấu hao TSCD có thể tiến hành theo nhiều phương pháp khác nhau ,theo quy định hiện hành (Quyết định số 206/2003/QĐ –BTC)có 3 phương pháp tính khấu hao :

-Phương pháp khấu hao đường thẳng

-Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh

-Phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm.

Căn cứ vào khả năng đáp ứng các điều kiện áp dụng cho từng phương pháp trích khấu hao TSCD, doanh nghiệp được lựa chọn các phương pháp trích khấu hao phù hợp với từng TSCD của doanh nghiệp

\*/phương pháp khấu hao đường thẳng

Các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả kinh tế cao được khấu hao nhanh nhưng tối đa không quá 2 lần mức khấu hao xác định theo phương pháp đường thẳng để nhanh chóng đổi mới công nghệ. Tài sản cố định tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao nhanh là máy móc, thiết bị, dụng cụ làm việc đo lường, thí nghiệm, thiết bị và phương tiện vận tải, dụng cụ quản lý, súc vật, vườn cây lâu năm. Khi thực hiện trích khấu hao nhanh, doanh nghiệp phải đảm bảo kinh doanh có lãi.

Theo phương pháp này việc tính khấu hao TSCD phải dựa trên nguyên giá TSCD và thời gian sử dụng TSCD. Thời gian sử dụng TSCD theo luật nước quy định cụ thể cho từng loại, từng nhóm TSCD.

Theo phương pháp khấu hao đường thẳng, số khấu hao hàng năm không thay đổi trong suốt thời gian sử dụng hữu ích TS. Mức tính khấu hao hàng năm được xác định như sau:

$$\text{Mức khấu hao bình quân phải trích trong năm} = \frac{\text{nguyên giá TSCD}}{\text{Thời gian sử dụng}}$$

$$\text{Mức khấu hao bình quân tháng} = \frac{\text{mức khấu hao bình quân năm}}{12 \text{ tháng}}$$

\*/phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh:

TSCD tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh phải thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

-là TSCD đầu tư mới

-là các loại máy móc, thiết bị, dụng cụ làm việc đo lường, thí nghiệm.

Theo phương pháp khấu hao này số khấu hao hàng năm giảm dần trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của TS

-Mức khấu hao của TSCD trong các năm đầu được xác định theo công thức sau:

$$\text{Mức khấu hao hàng năm của TSCD} = \frac{\text{giá trị còn lại của TSCD}}{\text{tỷ lệ khấu hao nhanh}}$$

Trong đó: tỷ lệ khấu hao nhanh xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ KH nhanh (\%)} = \frac{\text{tỷ lệ khấu hao TSCD theo Phương pháp đường thẳng}}{\text{hệ số điều chỉnh}}$$

Hệ số điều chỉnh xác định theo thời gian sử dụng của TSCD quy định tại bảng sau:

Thời gian sử dụng của TSCD	Hệ số điều chỉnh(lần)
Đến 4 năm	1,5
Trên 4 đến 6 năm	2,0
Trên 6 năm	2,5

Những năm cuối khi mức khấu hao năm xác định theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh bằng hoặc thấp hơn mức khấu hao tính bình quân giữa giá trị còn lại và số năm sử dụng còn lại của TSCD, thì kể từ năm đó mức khấu hao được tính bằng giá trị còn lại của TSCD chia cho số năm sử dụng còn lại của TSCD.

$$\text{Mức khấu hao trung bình tháng} = \frac{\text{mức khấu hao trung bình năm}}{12 \text{ tháng}}$$

\*/phương pháp hạch toán cụ thể như sau:

-Định kỳ (tháng, quý) tính, trích khấu hao TSCD vào chi phí SXKD đồng thời phản ánh hao mòn TSCD, ghi:

NỢ TK 627(6274)-chi phí sản xuất chung

NỢ TK 641(6414)-chi phí bán hàng

NỢ TK 642(6424)-chi phí quản lý doanh nghiệp

NỢ TK 811-chi phí khác

CÓ TK 214-hao mòn TSCD

-TSCD đã sử dụng ,nhận được do điều chuyển trong nội bộ tổng công ty,công ty ,kế toán ghi:

NỢ TK 211-TSCD hữu hình(nguyên giá)

CÓ TK 411-nguồn vốn kinh doanh(giá trị còn lại)

CÓ TK 214(2141)-Hao mòn TSCD (giá trị hao mòn)

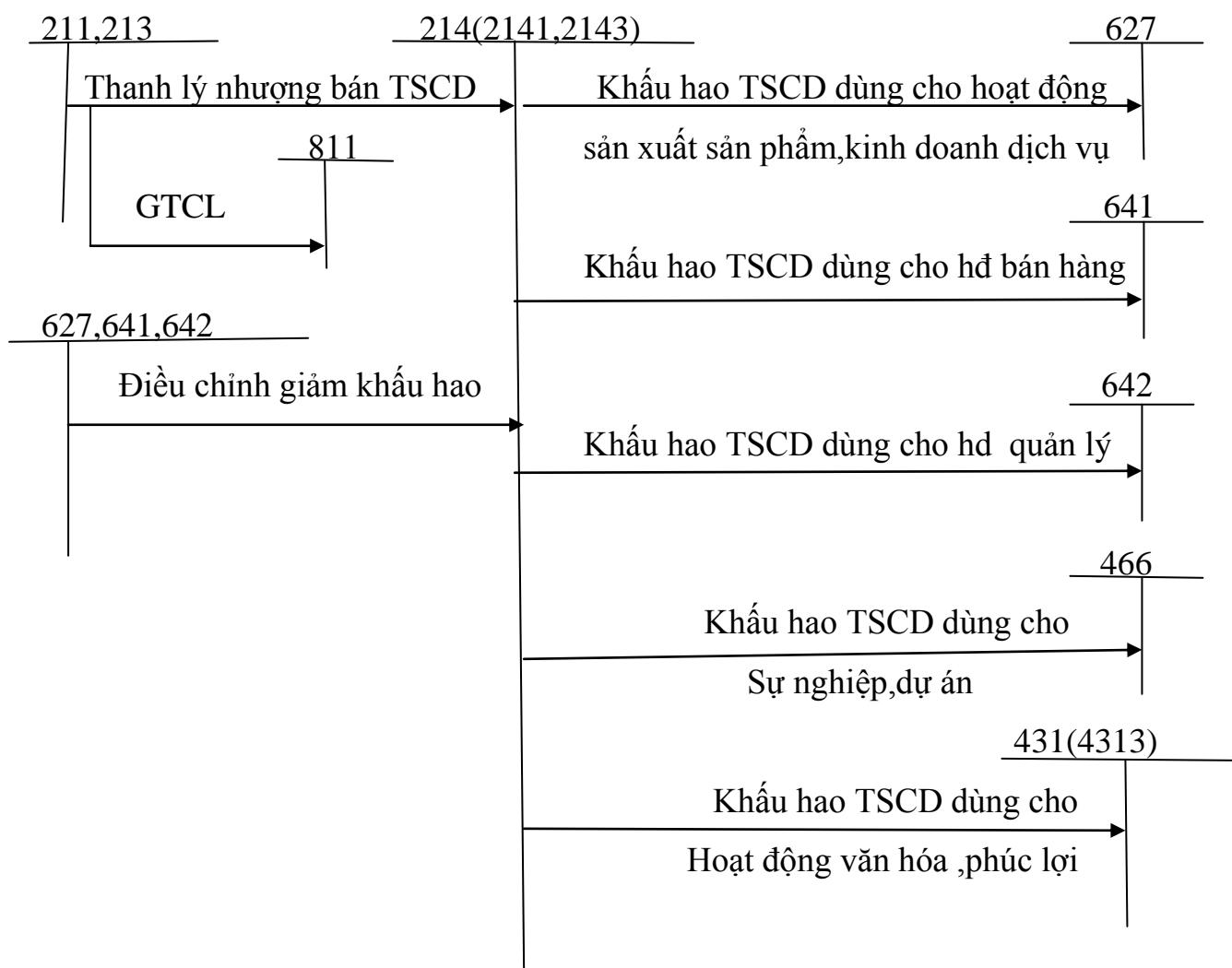
-Đối với TSCD dùng cho hoạt động sự nghiệp dự án ,khi tính khấu hao vào thời điểm cuối năm tài chính ghi:

NỢ TK 466-nguồn kinh phí đã hình thành TSCD

CÓ TK 214-hao mòn TSCD

**Sơ đồ:**

### KẾ TOÁN KHẤU HAO TSCD



### **1.2.3.5/Kế toán đánh giá lại TSCD**

-Đánh giá lại TSCD nhằm đảm bảo cho giá trị của TSCD phù hợp với mặt bang giá có sự thay đổi lớn do tình trạng lạm phát gây ra.Ngoài ra ,việc đánh giá lại còn được thực hiện khi đem TSCD làm vốn góp liên doanh.

-Kế toán đánh giá lại TSCD sử dụng chứng từ kế toán là “biên bản đánh giá lại TSCD”Biên bản này xác nhận việc đánh giá lại do hội đồng đánh giá lập .Các thành viên hội đồng phải ký và ghi rõ họ tên vào biên bản.

-Kế toán đánh giá lại tài sản sử dụng TK 412 “chênh lệch đánh giá lại TS”

-Kết cấu TK này như sau:

Bên nợ:-chênh lệch giảm do đánh giá lại

-kết chuyển chênh lệch tăng khi có quyết định xử lý

Bên có :-chênh lệch tăng do đánh giá lại TS

-kết chuyển khoản chênh lệch giảm khi có quyết định xử lý

Dư nợ:Khoản chênh lệch giảm chưa được xử lý

Dư có:Khoản chênh lệch tăng chưa được xử lý

-Nội dung và phương pháp phản ánh :

(1)Khi đánh giá lại làm tăng NG TSCD thì khoản chênh lệch tăng thêm sẽ ghi:

NỢ TK 211(213)

CÓ TK 412

(2) Khi đánh giá lại làm giảm NG TSCD thì khoản chênh lệch giảm sẽ ghi:

NỢ TK 412

CÓ TK 211(213)

(3)Nếu khi đánh giá lại có điều chỉnh cả giá trị hao mòn thì tùy trường hợp tăng hoặc giảm mà phản ánh phù hợp

-Nếu làm tăng giá trị hao mòn thì chênh lệch tăng sẽ ghi:

NỢ TK 412

CÓ TK 214

-Nếu làm giảm giá trị hao mòn thì chênh lệch giảm sẽ ghi

NỢ TK 214

CÓ TK 412

(4) Sau đó căn cứ vào quyết định sử lý chênh lệch để kết chuyển vào các tài khoản có liên quan.

### **1.2.3.6/Kế toán sửa chữa TSCD:**

Để duy trì năng lực hoạt động cho TSCD trong suốt quá trình sử dụng thì doanh nghiệp cần phải sửa chữa ,bảo dưỡng TSCD .Để quản lý chặt chẽ tình hình sửa chữa TSCD cần phải có dự toán sửa chữa ,cần ghi chép theo dõi chặt chẽ và kiểm tra thường xuyên tình hình chi phí phát sinh trong quá trình sửa chữa .

Sửa chữa TSCD được chia làm 2 loại:Sửa chữa nhỏ(sửa chữa thường xuyên),sửa chữa lớn .

#### ***\*/Sửa chữa nhỏ TSCD :***

-Sửa chữa nhỏ là loại sửa chữa có đặc điểm ,mức độ hư hỏng nhẹ nên kỹ thuật sửa chữa đơn giản ,công việc sửa chữa có thể do doanh nghiệp tự thực hiện ,thời gian sửa chữa ngắn ,chi phí phát sinh ít nên được hạch toán toàn bộ 1 lần vào chi phí của đối tượng sử dụng TSCD.

-Khi sửa chữa nhỏ TSCD ,kế toán căn cứ vào chi phí sửa chữa thực tế phát sinh để phản ánh :

Nợ TK 627-Nếu TSCD chi=0 hoạt động sản xuất

NỢ TK 641-Nếu TSCD cho hoạt động bán hàng

NỢ TK 642-Nếu TSCD cho hoạt động QLKD

CÓ TK 334,338,152 –Chi phí sửa chữa

#### ***\*/Sửa chữa lớn TSCD :***

-Sửa chữa lớn là loại sửa chữa có đặc điểm :mức độ hư hỏng nặng nên kỹ thuật sửa chữa phức tạp ,công việc sửa chữa có thể do doanh nghiệp tự thực hiện hoặc phải thuê ngoài,thời gian sửa chữa kéo dài và TSCD phải ngưng hoạt động ,chi phí phát sinh sửa chữa lớn nên ko thể tính hết vào chi phí của đối tượng sử dụng mà phải sử dụng phương pháp phân bổ thích ứng .

-Chúng tôi kế toán để phản ánh công việc sửa chữa lớn hoàn thành là “biên bản giao nhận TSCD sửa chữa lớn hoàn thành”.Đây là chứng từ xác nhận việc giao

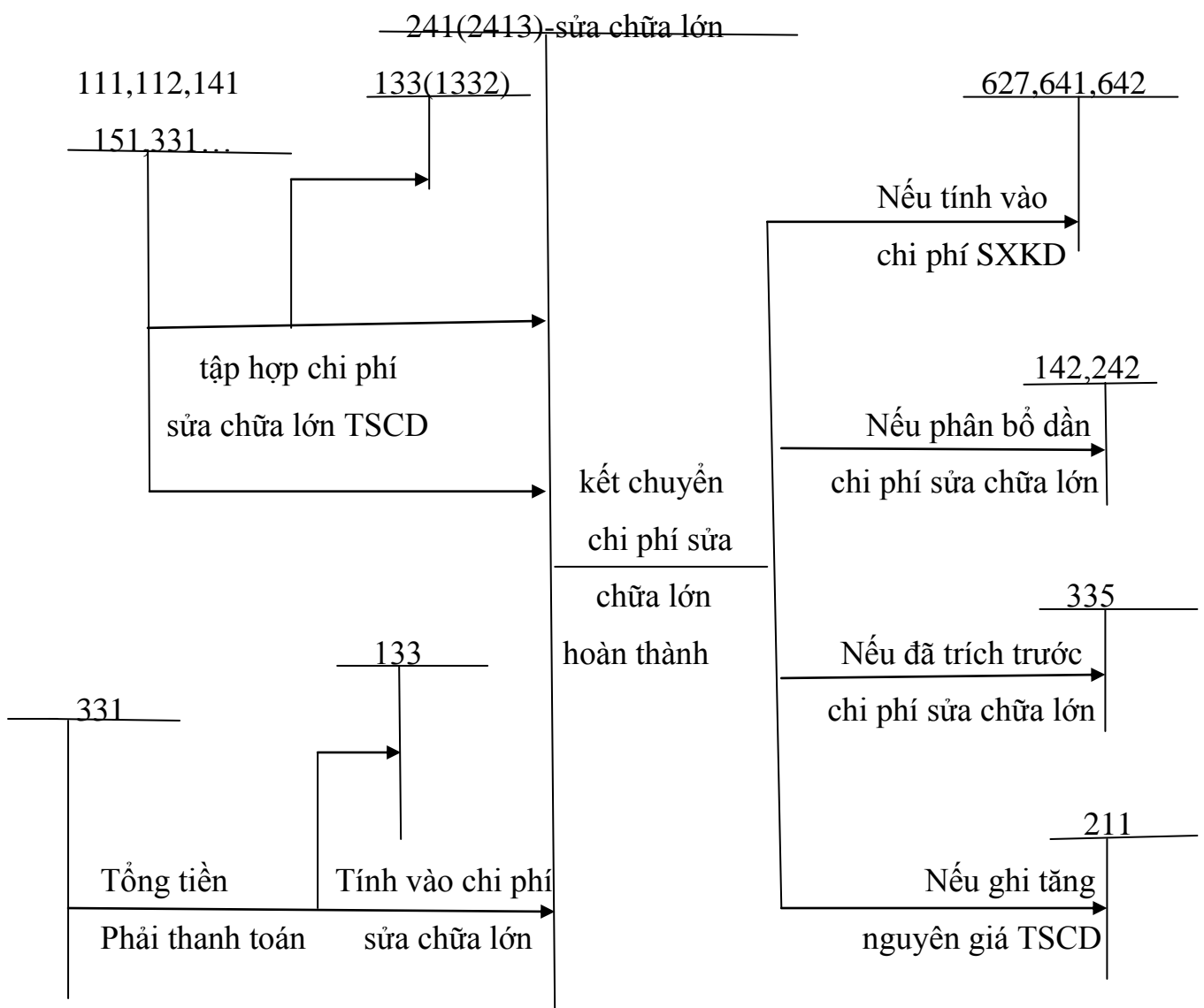


nhận TSCD sau khi hoàn thành việc sửa chữa lớn giữa bên thực hiện việc sửa chữa.

-Tài khoản chuyên dùng để theo dõi chi phí sửa chữa lớn TSCD ,kế toán sử dụng TK 2413”sửa chữa lớn TSCD”

**Sơ đồ 14:**

**KẾ TOÁN SỬA CHỮA LỚN TSCD**



***\*/Kế toán nâng cấp TSCD :***

Để nâng cao tinh năng ,tác dụng của TSCD cũng như kéo dài thời gian hữu dụng của TSCD thì doanh nghiệp thực hiện việc nâng cấp TSCD .Chi phí nâng cấp TSCD được tính vào giá trị của TSCD.

-Khi nâng cấp TSCD ,kế toán căn cứ vào chi phí thực tế phát sinh để tập hợp :

NỢ TK 2412”Xây dựng cơ bản”

CÓ TK 334,338,152,111

-Sau đó khi xây dựng việc nâng cấp hoàn thành ,căn cứ vào chi phí thực tế được duyệt tính vào giá trị của TSCD để ghi tăng nguyên giá.

NỢ TK 211

CÓ TK 2412

\_Nếu việc nâng cấp được tài trợ từ các quỹ chuyên dùng thì phải chuyển các quỹ này thành nguồn vốn kinh doanh.

NỢ TK 414:Quỹ đầu tư phát triển

NỢ TK 441:Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

CÓ TK 411 :Nguồn vốn kinh doanh

## **CHƯƠNG II: CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CPTM VÀ DỊCH VỤ KỸ NGHỆ HẰNG HẢI**

### **2.KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CPTM VÀ DỊCH VỤ KỸ NGHỆ HẰNG HẢI:**

#### **2.1. Khái quát chung về công ty:**

##### ***2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hằng Hải.***

Công ty CPTM và DV kỹ nghệ HẰNG HẢI được Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203003132 ngày 22 tháng 5 năm 2007. Và được cấp lại lần 1 vào ngày 24 tháng 07 năm 2010.

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ kỹ nghệ Hằng Hải.

Tên giao dịch tiếng Anh: Marine engineering trade and service joint stock company.

Tên viết tắt: METS J.S.C.

Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ.

Địa chỉ: Số 33 Mê Linh, phường Mê Linh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 031.3630497

Mã số thuế: 0203003132

Vốn điều lệ: 1.000.000.000 (Một tỷ đồng chẵn).

***\*/ Một số kết quả đạt được của công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hằng Hải đạt được trong những năm gần đây.***

Hiện nay công ty đã bắt đầu có uy tín và thương hiệu trong việc cung cấp các dịch vụ về sửa chữa tàu thủy, dịch vụ vận tải và cung cấp nguồn nhân công lành nghề.

Kết quả đạt được trong những năm 2008, 2009, 2010 như sau:

- Về lao động: Số lượng tham gia lao động tại công ty ngày càng tăng.

Tính đến tháng 12/2010, tổng số lao động của công ty là 54 người trong đó 80% đã được đào tạo trong các trường đại học, cao đẳng, số còn lại tốt nghiệp trường nghề .

- Về biến động của tài sản và nguồn vốn tại công ty (ĐVT: Đồng VN):

**Bảng 2.1. Tình hình biến động tài sản và nguồn vốn trong các năm 2008, 2009, 2010**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2010</b>
<b>Tài sản</b>			
A. Tài sản ngắn hạn	1.896.768.442	1.110.023.202	2.021.791.541
B. Tài sản dài hạn	538.958.333	417.945.837	1.013.247.331
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.435.726.775</b>	<b>1.527.969.039</b>	<b>3.035.038.872</b>
<b>Nguồn vốn</b>			
A. Nợ phải trả	1.435.726.775	463.239.703	1.896.181.818
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	1.000.000.000	1.064.729.336	1.138.857.054
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>2.435.726.775</b>	<b>1.527.969.039</b>	<b>3.035.038.872</b>

Nhìn vào bảng trên ta có thể nhận xét như sau: Tổng tài sản và nguồn vốn của công ty năm 2009 có xu hướng giảm, điều này chứng tỏ cơ sở vật chất của công ty chưa được tăng cường, quy mô chưa được mở rộng, điều này làm giảm nguồn lợi tức của công ty.

Nhưng đến năm 2010 thì tổng tài sản và nguồn vốn tăng mạnh điều này chứng tỏ doanh nghiệp đã chú ý tăng cường cơ sở vật chất, đồng thời mở rộng quy mô kinh doanh, việc này đã góp phần làm tăng lợi nhuận của công ty một cách đáng kể.

- Về sự biến động doanh thu, chi phí, và lợi nhuận sau thuế của công ty (ĐVT: đồng):

## **\* Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động**

### **- Thuận lợi:**

Chỉ mới thành lập được 4 năm nhưng công ty đã nhận được sự giúp đỡ, quan tâm của ban ngành thành phố cũng như sự nhiệt tình của đội ngũ lao động có tay nghề cao. Công ty đã tạo dựng được nhiều uy tín và đáp ứng được yêu cầu ngày càng lớn của thị trường hàng hải đặc biệt trong việc cung cấp các dịch vụ sửa chữa máy móc, tàu biển, cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách, hàng hóa, tư vấn kỹ thuật đồng thời cung ứng nguồn lao động trong ngành hàng hải...

### **- Khó khăn:**

Công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải có quy mô kinh doanh và tiềm năng hoạt động còn nhỏ, công ty bị hạn chế nhiều mặt:

+ Về mặt nhu cầu thị trường: Hiện nay, ngành Hàng Hải đang gặp khó khăn do yếu tố chủ quan và khách quan của thị trường kinh tế thế giới và kinh tế trong nước mang lại do vậy sự phát triển của ngành đang bị chững lại.

+ Về vốn: Do vốn ít nên việc đầu tư mua sắm các trang thiết bị để cung cấp cho việc sửa chữa còn thiếu, chưa đáp ứng được hết các nhu cầu của khách hàng.

Ngoài ra, sự cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành ngày càng gay gắt cũng là trở ngại cho công ty.

### **2.1.2. Đặc điểm kinh doanh của công ty TNHH CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải**

Công ty kinh doanh các ngành nghề:

1. Bán buôn chuyên doanh khác:

- Vật tư, trang thiết bị phục vụ cho ngành hàng hải

- Vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ cho sửa chữa tàu thủy

2. Bán buôn hóa chất khác ( trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)

3. Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành ( trừ vận tải bằng xe buýt)

4. Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh

5. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

6. Vận tải hành khách bằng đường thủy nội địa

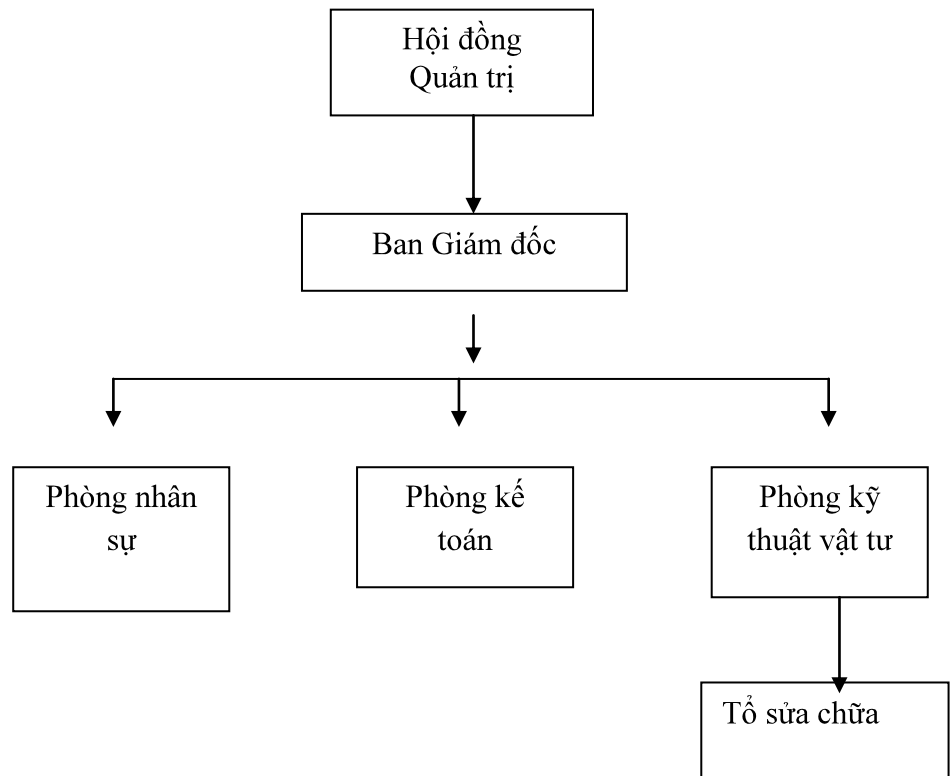
7. Vận tải hành khách ven biển và viễn dương
8. Vận tải hành hóa ven biển và viễn dương
9. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
10. Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải
11. Bốc xếp hàng hóa
12. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Chế tạo trang thiết bị phục vụ cho ngành hàng hải.
13. Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác:
  - Tư vấn, chế tạo, thi công đóng mới và sửa chữa tàu thủy
  - Tư vấn khai thác tàu thủy
  - Tư vấn về thiết bị xử lý nước thải, khí thải
14. Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm:
  - Đào tạo, huấn luyện và cung ứng lao động, thuyền viên
15. Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước.
16. Đại lý:
  - Đại lý môi giới tàu biển nội địa, quốc tế
17. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu:
  - Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa.

### ***2.1.3. Tổ chức bộ máy kinh doanh của công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải.***

Công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải là đơn vị kinh doanh độc lập. Công ty đã tổ chức mô hình quản lý kiểu trực tuyến với phương châm sử dụng lao động gọn nhẹ, nâng cao đội ngũ cán bộ có trình độ nghiệp vụ, các phòng ban được phân định rõ ràng cụ thể

## Sơ đồ 2.1

### : Bộ máy quản lý của doanh nghiệp



**Qua sơ đồ ta thấy chức năng các phòng ban như sau:**

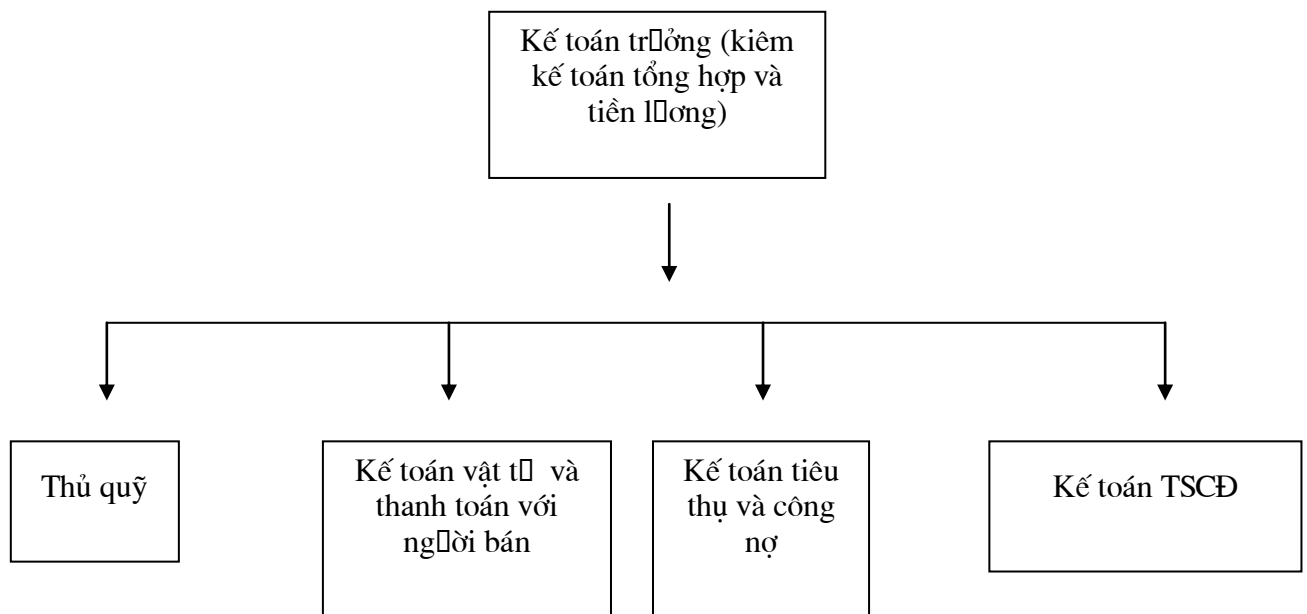
- *Chủ tịch hội đồng quản trị:* là người đứng đầu công ty chỉ đạo về chiến lược công ty
- *Giám đốc:* là người đại diện pháp luật, chỉ đạo trực tiếp phân công lao động phù hợp
- *Phòng hành chính nhân sự:* Phòng có trách nhiệm tuyển dụng và đào tạo lao động làm công việc cho cán bộ công nhân viên. Thực hiện các công tác hành chính văn phòng như: tiếp khách, photocopy, lưu trữ, đảm bảo văn hoá công ty (trang phục, nề nếp làm việc) và các công tác hành chính khác.
- *Phòng tài chính kế toán:* Có nhiệm vụ thu thập, tổng hợp và xử lý các số liệu thông tin về công tác tài chính kế toán, tham mưu cho giám đốc về hiệu quả của dòng vốn kinh doanh cũng như trong việc lựa chọn và quyết định các phương án kinh doanh....

- *Phòng kỹ thuật vật t<sub>l</sub>*: Đảm nhận công tác xuất nhập khẩu của công ty giao nhận vật t<sub>l</sub>, công tác giám sát kiểm tra chất l<sub>o</sub>ng sản phẩm, giải quyết và thực hiện các qui trình phản hồi của công ty khi có khiếu nại của người chăn nuôi thực hiện các quy trình khảo nghiệm.
- *Tổ sửa chữa*: quản lý đồ nghề dụng cụ bảo hộ lao động, thực hiện công việc sửa chữa theo sự chỉ đạo của phòng kỹ thuật vật t<sub>l</sub> và ban Giám đốc.

#### **2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán tại c<sub>o</sub>ng ty CPTM và DVKN Hàng Hải**

- Nhiệm vụ của phòng kế toán của công ty là phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin phục vụ cho công tác quản lý và chỉ đạo kinh doanh. Đồng thời ghi chép vào sổ kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- Với chức năng và nhiệm vụ nh<sub>u</sub> vậy, bộ máy kế toán của công ty đã áp dụng chế độ kế toán tập trung:

#### **Sơ đồ: cơ cấu tổ chức của bộ máy kế toán**





**\* Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận:**

- Đứng đầu bộ máy kế toán là kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp và kế toán tiền công: có chức năng giám sát mọi hoạt động chung của phòng kế toán. Theo dõi tình hình thanh toán công, phụ cấp, trợ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ với các cán bộ công nhân trong toàn công ty. Cuối kỳ tập hợp các khoản mục chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tổng hợp số liệu báo cáo tài chính, trình vấn lên giám đốc cho hoạt động trong tương lai của công ty.
- Kế toán nguyên vật liệu kiêm kế toán thanh toán với người bán. Các tài khoản sử dụng 154, TK 331...
- Kế toán tiêu thụ và phải thu khách hàng: theo dõi tình hình tiêu thụ sản phẩm tại các đại lý cũng như tình hình thanh toán công nợ của người mua.
- Kế toán TSCĐ: có nhiệm vụ theo dõi tình hình tăng giảm của TSCĐ. Các tài khoản kế toán sử dụng TK 211, TK 214
- Thủ quỹ: Đảm bảo các hoạt động quản lý và chi trả tiền trong các hoạt động giao dịch của công ty.

**\* Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán:**

Công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải tổ chức và vận dụng hệ thống chứng từ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

**\* Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán**

Công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải tổ chức và vận dụng hệ thống tài khoản kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

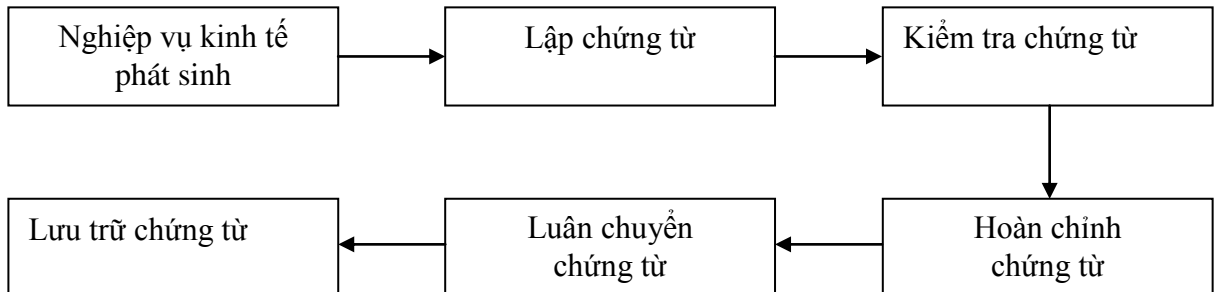
**2.1.5 Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại công ty CPTM và DV kỹ nghệ Hàng Hải:**

Hình thức kế toán được công ty áp dụng là: **Nhật ký chung**.

Niên độ kế toán: Từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12.

Chu trình kế toán được tổ chức chặt chẽ theo các bước sau:

### Sơ đồ 2.3. Chu trình kế toán tại công ty CPTM và DV Kỹ nghệ Hàng Hải

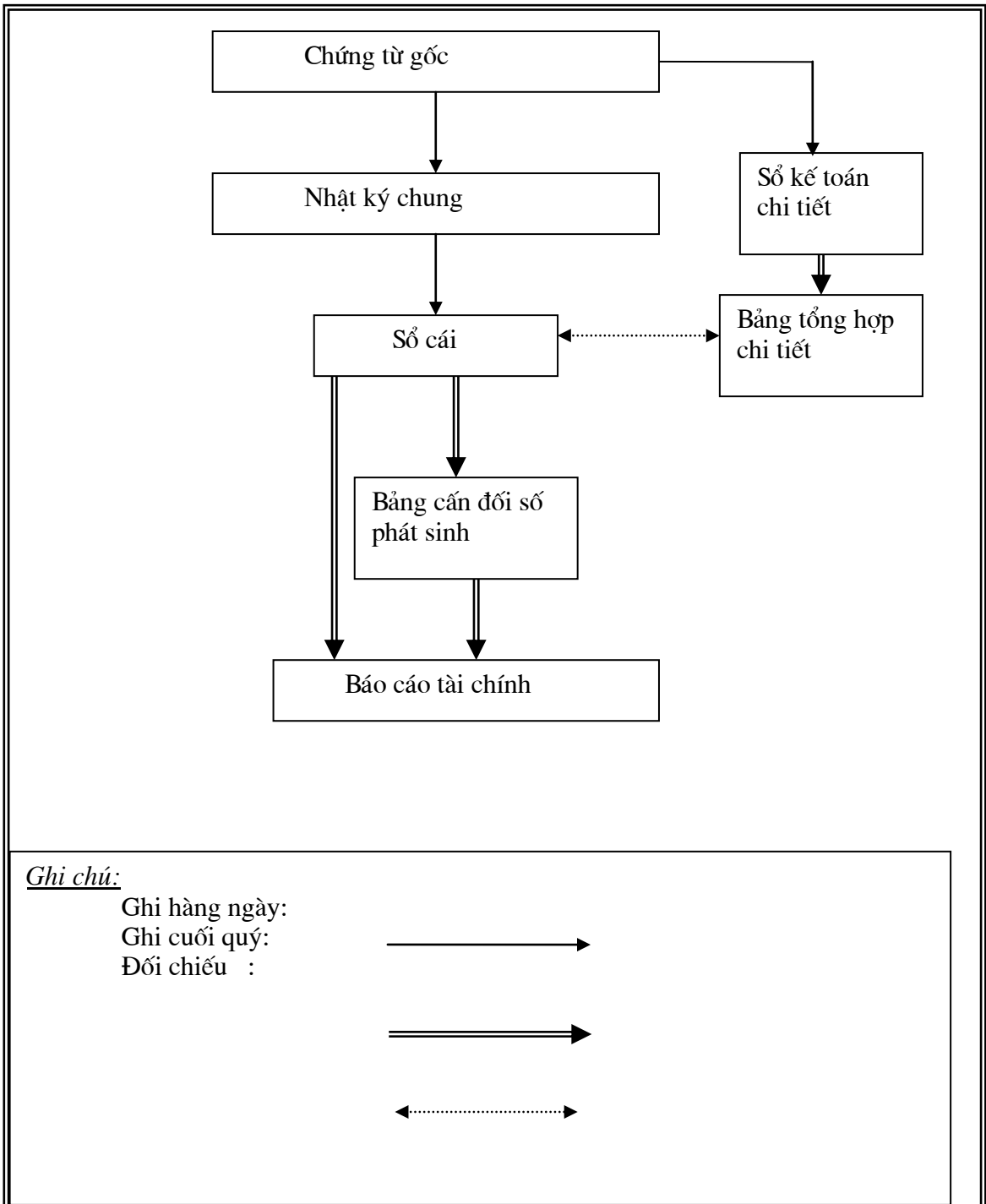


- *Kiểm tra chứng từ*: Xác minh chứng từ về tính hợp pháp, hợp lệ, trung thực, đúng chế độ kế toán.
- *Hoàn chỉnh chứng từ*: Ghi chép nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh như số tiền, số thực xuất... tổng hợp số liệu, lập và định khoản kế toán.
- *Luân chuyển chứng từ*: Tùy theo tính chất nội dung cả từng loại chứng từ luân chuyển vào các bộ phận được quy định để làm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết kịp thời, chính xác
- *Lưu trữ chứng từ*: Bộ phận kế toán có trách nhiệm tổ chức bảo quản, lưu trữ đầy đủ có hệ thống và khoa học theo đúng quy định.

Đặc điểm chủ yếu của hình thức kế toán **Nhật ký chung** là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình tự thời gian và theo quan hệ đối ứng tài khoản vào sổ Nhật ký chung, sau đó từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái tài khoản, từ sổ cái các tài khoản, bảng tổng hợp chi tiết lập báo cáo kế toán.

Sơ đồ 2.4:

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC NHẬT KÝ CHUNG



**\* Chính sách kế toán:**

- Đơn vị tiền tệ: Việt Nam đồng
- Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006
- Công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, hàng tháng công ty phải nộp tờ khai thuế cho Chi cục thuế Quận Lê Chân.
- Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Hàng quý công ty phải lập tờ khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Vào cuối năm công ty lập quyết toán thuế GTGT, thuế TNDN theo quy định của Tổng cục thuế.
- Tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.

***Trình tự ghi sổ kế toán như sau:***

1. Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc ghi vào sổ nhật ký chung, sổ thẻ kế toán chi tiết.
2. Hàng ngày, từ nhật ký chung, sổ kế toán chi tiết vào sổ cái các tài khoản.
3. Tổng hợp các tài khoản chi tiết, lập bảng tổng hợp chi tiết.
4. Kiểm kê tài sản, khóa sổ kế toán, lập bảng cân đối số phát sinh.
5. Lập báo cáo kế toán:
  - Bảng cân đối kế toán.
  - Bảng báo cáo kết quả kinh doanh.
  - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
  - Thuyết minh báo cáo tài chính.

## **2.2 công tác kế toán TSCD tại công ty CPTM và dịch vụ Kỹ nghệ hàng hải**

### **2.2.1/Đặc điểm TSCD và yêu cầu nhiệm vụ ,quản lý ,sử dụng TSCD tại công ty:**

#### **2.2.1.1/Đặc điểm TSCD:**

Là 1 doanh nghiệp sửa chữa và dịch vụ nên TSCD chủ yếu là TSCD hữu hình chủ yếu là;

\*Nhà cửa vật kiến trúc:công trình nhà kho,nhà xưởng,nhà để xe và các công trình kiến trúc nhà cửa văn phòng,có thể noi nhà xưởng và văn phòng của công ty được xây mới ,các phòng ban được trang bị máy móc thiết bị máy photo,máy in,máy fax,quạt máy và các thiết bị chữa cháy..

\*Máy móc thiết bị:ngoài các thiết bị văn phòng còn có các máy móc sửa chữa hiện đại,các máy cắt vật liệu kim loại

\*Phương tiện vận tải:có 2 ô tô

#### **2.2.1.2/yêu cầu nhiệm vụ của công tác quản lý ,sử dụng và hạch toán TSCD**

Để tăng cường công tác quản lý ,bảo vệ an toàn TSCD và đảm bảo chất lượng thông tin kế toán,nâng cao vai trò kiểm tra giám sát bằng đồng tiền trong quá trình hình thành,sử dụng và đổi mới TSCD ,công tác quản lý và hạch toán TSCD cần phải thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ sau:

-Tổ chức hạch toán ,ghi chép phản ánh tình hình TSCD hiện có của toàn đơn vị và sự biến động của các loại TSCD thuộc công ty quản lý theo nguyên giá và giá trị còn lại .phân loại các TSCD hiện có trong công ty phải theo đúng quy định của nhà nước.

-Tổ chức hạch toán TSCD phải đảm bảo thực hiện được việc tính trích và hạch toán chính xác kịp thời số khấu hao và đối tượng chịu chi phí và giá hao mòn TSCD ,giám sát việc sử dụng vốn khấu hao trong quá trình tái đầu tư và đầu tư mở rộng ,nhằm không ngừng nâng cao năng lực ,hoàn trả các nguồn vốn vay và đảm bảo hiệu quả trong công việc

-Đối với TSCD đưa ra sửa chữa lớn ,các đơn vị phải thực hiện đúng quy định của nhà nước về công tác quản lý chi tiêu sửa chữa lớn,dảm bảo hạch toán kịp thời và chính xác và quyết toán các công trình sửa chữa lớn hoàn thành.

-Lập hồ sơ ,tổ chức thanh lý TSCD và hạch toán kịp thời kết quả về thanh sử lý TSCD theo quy định của nhà nước.

## **2.2.2/kế toán chi tiết TSCD tại công ty CPTM và dịch vụ Kỹ Nghệ Hàng Hải**

### **2.2.2.1/phân loại:**

Để tiến hành các hoạt động công ty phải có đầy đủ các yếu tố về mặt hiện vật ,các yếu tố đầu vào của quá trình hoạt động:vật tư,yếu tố lao động,tài sản cố định TSCD tại công ty nhiều chủng loại thiết bị nên việc quản lý TSCD phải được phân loại cụ thể

TSCD tại công ty chỉ bao gồm TSCD hữu hình và được phân loại cụ thể như trong chế độ kế toán ban hành

+loại 1:nhà cửa ,vật kiến trúc là những loại tài sản của đơn vị được hình thành sau quá trình đầu tư xây dựng trụ sở làm việc ,nhà kho hàng rào sân bãi,đường xá,cầu cống.

+loại 2:máy móc thiết bị là toàn bộ những máy móc thiết bị dùng trong hoạt động sửa chữa như máy móc chuyên dùng,thiết bị công tác

+loại 3:Phương tiện vận tải ,truyền dẫn là các loại phương tiện vận tải gồm có phương tiện vận tải đường bộ,đường ống và các thiết bị truyền dẫn như hệ thống thông tin ,hệ thống điện,đường ống nước

+loại4:thiết bị dụng cụ quản lý là những thiết bị dụng cụ dùng trong hoạt động kinh doanh như máy vi tính phục vụ quản lý

+loại 5:TSCD khác là các loại thiết bị khác như phục vụ sinh hoạt văn hóa thể thao,thiết bị phục vụ y tế

### 2.2.2.2/Đánh giá

Việc đánh giá TSCD trong doanh nghiệp là vô cùng cần thiết vì nó là điều kiện quan trọng để hạch toán TSCD ,tính và phân bổ khấu hao chính xác,phân tích hiệu quả sử dụng vốn trong công ty.TSCD ở công ty được đánh giá theo nguyên giá và giá trị còn lại/

\*Đánh giá TSCD theo nguyên giá;

Nguyên giá TSCD là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được TSCD và đưa TSCD đó vào sử dụng

Đánh giá TSCD của công ty được xác định theo công thức

$$\begin{array}{rccccccc} \text{Nguyên giá} & = & \text{Giá mua} & + & \text{các khoản thuế} & - & \text{chi phí liên quan} \\ \text{TSCD} & & \text{thực tế} & & \text{không hoàn lại} & & \end{array}$$

\*Đánh giá TSCD theo giá Trị còn lại:

Việc đánh giá này có giá trị ý nghĩa rất quan trọng giúp cho công ty thấy được hiện trạng kỹ thuật ,năng lực hiện có của TSCD để từ đó có biện pháp,cách thức quyết định đầu tư ,cải tạo,nâng cấp TSCD

Đánh giá TSCD theo giá trị còn lại áp dụng theo đúng quy định của nhà nước và được xác định

$$\begin{array}{rcc} \text{Giá trị còn lại của} & = & \text{nguyên giá TSCD} - \text{giá trị hao mòn lũy kế của} \\ \text{TSCD} & & \text{TSCD} \end{array}$$

### 2.2.2.3/Khấu hao TSCD

\*Tính ,trích khấu hao và phân bổ khấu hao TSCD

Trong quá trình tham gia sửa chữa.TSCD bị hao mòn ,bị già cỗi theo thời gian,việc xác định giá trị hao mòn của TSCD là cần thiết vì giá trị hao mòn là chính vào giá sửa chữa,và gọi là khấu hao TSCD.Khấu hao TSCD là để thu hồi lại ,hoàn lại nguồn vốn hình thành TSCD

Mặt khác, khấu hao TSCD còn là nguồn quan trọng để doanh nghiệp thực hiện tái đầu tư TSCD mới để phù hợp với sự phát triển của KH-KT

Trong quá trình hoạt động, TSCD của công ty bị hao mòn dưới tác động của nguyên nhân chủ quan hay khách quan. Khấu hao TSCD lại phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của người quản lý. Vì vậy, trong nền kinh tế thị trường hiện nay việc xác định đúng, chính xác và hợp lý khấu hao TSCD là cần thiết để xác định đúng dẫn chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ

**\*/Một số quy định của công ty khi tính và phân bổ khấu hao TSCD**

-Tất cả TSCD đang sử dụng trong đơn vị sản xuất kinh doanh đều phải trích khấu hao theo quy định của nhà nước

-Những TS chưa cần dùng hoặc ko cần dùng được cấp trên cho phép đưa vào cất giữ hoặc chờ điều động, TSCD chờ quyết định thanh lý thì đơn vị ko phải trích khấu hao.

-Những TSCD đã trích đủ khấu hao thì ko phải trích nữa

-1 TSCD có thể dùng cho nhiều mục đích sử dụng khác nhau dẫn đến có thể phân bổ khấu hao theo nhiều loại hình, việc xác định cần phân bổ bao nhiêu cho mỗi loại hình là do đơn vị xem xét quyết định

-Việc trích khấu hao hoặc thôi trích khấu hao TSCD được bắt đầu từ ngày (theo số ngày của tháng) mà TSCD tăng, giảm hoặc ngừng tham gia vào hoạt động kinh doanh

Năm khấu hao cụ thể TSCD của công ty như sau

Loại TSCD	Số năm khấu hao
Nhà cửa vật kiến trúc	8
Phương tiện vận tải	6
Máy móc thiết bị quản lý	5-7
Thiết bị dụng cụ văn phòng	3



-Công thức trích khấu hao với tài sản tăng mới

$$\text{Mức khấu hao} = \frac{\text{Nguyên giá}}{\text{Thời gian sử dụng}}$$

Như vậy mức khấu hao tháng của TS hiện có sẽ được tính bằng công thức sau

$$\text{Khấu hao tháng} = \frac{\text{Mức khấu hao trung bình hàng năm}}{12 \text{ tháng}}$$

$$\text{Khấu hao ngày} = \frac{\text{Mức khấu hao tháng}}{\text{Số ngày trong tháng}} \quad *(\text{số ngày sử dụng})$$

\*/Tài khoản sử dụng

Tài khoản 214:-Hao mòn TSCD

Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình tăng,giảm giá trị hao mòn và giá trị hao mòn lũy kế của các loại TSCD trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCD và những khoản tăng,giảmhao mòn khác của TSCD

\*/trích khấu hao TSCD

Theo số liệu trên TSCD của công ty tăng do mua sắm mới thiết bị máy trục vót tàu vào ngày 20/3/2010.thời hạn sử dụng là15 năm,kế toán sẽ tiến hành trích khấu hao từ ngày 20/3/2010

#### **2.2.2.4/các chứng từ và sổ sách sử dụng**

**\*/Khi mua mới TSCD**

Là công ty CPTM nên TSCD của công ty tăng chủ yếu là do mua sắm

Trình tự luân chuyển chứng từ tăng do mua sắm

-Căn cứ vào kế hoạch mua sắm TSCD,quyết định sử dụng nguồn vốn đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt ,công ty tổ chức ký hợp đồng mua sắm TSCD

Quá trình mua sắm phải thực hiện đúng theo quy định của nhà nước

-TSCD được mua sắm về bộ phận trực vớt phải có đầy đủ hồ sơ liên quan đến quá trình mua sắm TSCD

-Khi đưa TSCD ra sử dụng,công ty phải có văn bản bàn giao TSCD cho bộ phận sử dụng .căn cứ quyết định đơn vị tiến hành giao TSCD lập biên bản Giao nhận TSCD

-Căn cứ các hồ sơ trên ,kế toán lập các chứng từ hạch toán tăng tSCD đồng thời vào Thẻ TSCD ,tính hao mòn và trích khấu hao theo quy định

Thủ tục tăng TSCD

Khi mua mới TSCD căn cứ các hồ sơ sau kế toán lập chứng từ hạch toán tăng TSCD,thẻ TSCD ,tính hao mòn và trích khấu hao theo quy định:

-Hợp đồng kinh tế

-Biên bản nghiệm thu

-Ủy nhiệm chi

-Hóa đơn GTGT

-Biên bản thanh lý hợp đồng

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế số 29-6/MT-VH ngày 20/3/2010 biên bản nghiệm thu lắp đặt thiết bị 20/3/2010 và hóa đơn GTGT ngày 30/3/2010 công ty mua máy trực vớt tàu cho sửa chữa giá 1.000.000.000 đ,thuế GTGT 10%.chưa thanh toán

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## HỢP ĐỒNG KINH TẾ

- Căn cứ Pháp lệnh hợp đồng kinh tế của Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam ban hành ngày 25-9-1989 và Nghị định số 17/HĐKT ngày 16/01/1990 của Hội đồng bộ trưởng quy định thi hành Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế

- Căn cứ vào nhu cầu, khả năng và sự thoả thuận giữa hai bên:

Hôm nay ngày 15 tháng 3 năm 2010, chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty CPTM và DV kỹ nghệ HẮNG HẢI

Đại diện có: ông Đồng Mạnh Hùng Chức vụ : Giám đốc

Tài khoản số: 1090 20000 2666019

Tại ngân hàng TECHCOMBANK hải phòng

Địa chỉ: Số 33 Mê Linh, phường Mê Linh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 031.3630497

Mã số thuế: 0203003132

Bên B: Tổng công ty cơ khí GTVT Sài Gòn (Bên bán)

+ Địa chỉ: Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo - Quận 1 – Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Điện thoại: 08.9200408 - FAX: 08.9201876

+ Đại diện: Ông Trần Quốc Toàn. - Chức vụ: Phó tổng giám đốc

+ Tài khoản: 102010000086875 tại Sở giao dịch II – Ngân hàng Công Thương Việt Nam

+ Mã số thuế: 03004815511-1

+ Theo giấy uỷ quyền số: 427/ngày 01/12/2005

Hai bên thống nhất ký hợp đồng với các điều khoản và điều kiện như sau:

Điều I: Hàng hoá - Số lượng – Giá cả:

Hai bên bàn bạc cùng nhau thống nhất ký hợp đồng kinh tế với các nội dung

Hàng hóa	Số lượng xe	Đơn giá trước thuế	Thuế GTGT (10%)	Đơn giá sau thuế	Tổng giá trị (Đ)
Máy trục DECCOS	1	1.000.000.000	100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000

Tổng cộng giá trị hợp đồng: 1 tỷ một trăm triệu

(Đơn giá trên chưa gồm 10% thuế GTGT nhưng không bao gồm thuế trước bạ, bảo hiểm, đăng ký, đăng kiểm và các chi phí liên quan khác)

Điều II: Tiêu chuẩn kỹ thuật:

-Hiệu DECCOS NQR 71, xuất xứ Nhật Bản, lắp ráp tại công ty ISUZU Việt Nam, mới 100%

-Động cơ DIEZEL 4 kỳ, 4 xi lanh thẳng hàng

\* Các trang bị chính:

- Máy lạnh PENSO (Nhật Bản) lắp mui
- Tay lái trợ lực,
- Bộ đồ nghề tiêu chuẩn, bánh dự phòng
- Màu sơn: Trắng – Xám – Đen (Theo yêu cầu của khách hàng)

Điều III: Đăng ký lưu hành:

Bên bán giao cho bên mua giấy tờ để bên mua tự tiến hành thủ tục đăng ký lưu hành máy gồm:

- Hồ sơ nguồn gốc, giấy chứng nhận chất lượng máy
- Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng, hoá đơn GTGT.

Điều IV: Giao hàng:

- Thời gian giao máy: trong vòng 25 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, đặt cọc và sau khi có giấy cam kết cho vay của Ngân hàng.
- Địa điểm giao xe: Tại địa chỉ bên mua (Hải Phòng) chi phí giao máy do bên bán chịu.
- Bên mua cử người đại diện nghiệm thu máy tại thành phố Hồ Chí Minh.

Điều V: bảo hành:

- Thời hạn bảo hành: trong vòng 1 năm

- Địa điểm bảo hành:

+ Hà Nội: tại Công ty cổ phần Vận tải và dịch vụ (T & S), (Km20 + 300, Quốc lộ 1A, Thanh Trì, Hà Nội)

+ Thành phố Hồ Chí Minh: tại 36 Kinh Dương Vương – TT An Lạc – Bình Chánh – Thành phố Hồ Chí Minh

Điều VI: Phương thức thanh toán:

- Phương thức thanh toán: bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (VNĐ)

- Thời hạn thanh toán:

+ Bên mua đặt cọc trước 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) ngay sau khi 2 bên ký hợp đồng.

+ Bên mua thanh toán .300.000.000 đ sau khi nhận máy và hồ sơ

+ Bên mua thanh toán tiếp .500.000.000đ thông qua ngân hàng trong vòng không quá 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ máy và toàn bộ các giấy tờ liên quan đến việc đăng ký máy

Điều VII: Điều khoản chung:

- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký.

- Hai bên cam kết thực hiện các điều khoản đã nêu trong hợp đồng trên tinh thần hợp tác. Trong thời gian thực hiện, nếu có khó khăn thay đổi điều khoản nào của hợp đồng thì phải thông báo và có sự bàn bạc nhất trí của 2 bên và lập thành văn bản.

- Khi có phát sinh tranh chấp, bất đồng liên quan đến hợp đồng, hai bên sẽ giải quyết bằng thương lượng và hoà giải trên tinh thần hợp tác, hiểu biết lẫn nhau. Các tranh chấp và bất đồng không thể giải quyết bằng thương lượng sẽ do Toà án kinh tế - Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phân xử, phán xét của toà án là phán xét cuối cùng.

Hợp đồng này được thông qua 2 bên, được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 bản.

Đại diện bên mua

Giám đốc

Đại diện bên bán

Phó tổng giám đốc

Trần Quốc Toàn

**2.****Hoá đơn GTGT**

Hoá đơn giá trị gia tăng

Mẫu số: 01-GTGT.3LL-01

(Liên 2: Giao khách hàng)

Ký hiệu: AA/2004-T

Ngày 07 tháng 10 năm 2006

Số: 036105

Đơn vị bán hàng: tổng công ty cơ khí GTVT Sài Gòn

Địa chỉ: Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo - Quận 1 – Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Điện thoại: 08.9200408

- FAX: 08.9201876

Số tài khoản: 00293384200

Điện thoại.....0978333567

Họ tên người mua hàng: MAI XUÂN DŨNG

Tên đơn vị: Công ty CPTM và dịch vụ Kỹ Nghệ Hàng Hải

Địa chỉ: số 33 Mê Linh phường Mê Linh, quận Lê Chân - Hải Phòng

Số tài khoản: 045623411000

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản MS 0200721104

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
01	Máy trục vớt	Chiếc	01	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng tiền hàng:					1.000.000.000
Thuế suất GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT:			100.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán					1.100.000.000
Số tiền viết bằng chữ: một tỷ một trăm triệu					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ

tên)

Hoá đơn giá trị gia tăng

Mẫu số: 01-GTGT.3LL-01

(Liên 2: Giao khách hàng)

Ký hiệu: AA/2004-T

Ngày 07 tháng 10 năm 2006

Số: 036203

Đơn vị bán hàng:.....

Địa chỉ:.....

Số tài khoản:.....

Điện thoại:.....MS

Họ tên người mua hàng:.....

Tên đơn vị: Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Vận tải Quang Khải

Địa chỉ: Đường 208 thị trấn An Dương - An Dương - Hải Phòng

Số tài khoản:.....

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản MS0200721104

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1*2
01	Máy trục vớt	Chiếc	01	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng tiền hàng:					1.000.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			100.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.100.000.000
Số tiền bằng chữ: một tỷ một trăm triệu					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ

tên)

Trần Quốc Toàn

Ngân hàng Công thương Việt Nam

Liên 2:

**Lệnh chi**

SỐ/NO

Ngày/Date: 07/10/2006

Tên đơn vị trả tiền: Công ty CPTM và dịch vụ KỸ NGHỆ HÀNg Hải

Tên khoản nợ:

1	0	2	0	1	0	0	0	0	2	0	8	2	2	6
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Tại Ngân hàng : Công thương Lê Chân

Số tiền bằng chữ: Hai trăm triệu đồng chẵn./.	Số tiền bằng số: 200.000.000đ
--	-------------------------------

Tên đơn vị nhận tiền: Tổng công ty cơ khí GTVT Sài Gòn

Tài khoản có:

1	0	2	0	1	0	0	0	0	0	8	6	8	1	5
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Tại Ngân hàng: Sở giao dịch II. Ngân hàng Công thương Việt Nam

Nội dung: Thanh toán tiền mua máy theo hợp đồng số: 132/HĐBUS-06 ngày 03/10/2010

Ngày hạch toán: 07/10/2010

Đơn vị trả tiền:

Giao dịch viên      Kiểm soát viên      Kế toán trưởng      Chủ tài khoản

723.164:0153 00164015: 164-2-051027-00033

07/10/2006: 16:34:48 7051.8062 OTA. OL3-C/TIEN INCAS.INC-I

DR 200.000.000,00 VNĐ 20.000 CR 200.000.000,00 VNĐ. 20.000

Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Vận tải Quang Khải

Phí Ngân hàng: 0,00 VNĐ. VAT. 0,00 VNĐ. T.T Phi: 0,00 VNĐ.



Ngân hàng Công thương Việt Nam

Liên 2:

Số/NO:

### Lệnh chi

Ngày/Date: 20/10/2006

Tên đơn vị trả tiền: Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Vận tải  
Quang Khải

Tài khoản nợ:

1	0	2	0	1	0	0	0	0	2	0	8	2	2	6
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Tại Ngân hàng: Công thương Lê Chân

Số tiền bằng chữ: BA trăm triệu đồng chẵn./.	Số tiền bằng số: 300.000.000đ
---	-------------------------------

Tên đơn vị nhận tiền: Tổng công ty cơ khí GTVT Sài Gòn

Tài khoản có:

1	0	2	0	1	0	0	0	0	0	8	6	8	1	5
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Tại Ngân hàng: Sở giao dịch II. Ngân hàng Công thương Việt Nam

Nội dung: Thanh toán tiền mua máy theo hợp đồng số: 132/HĐBUS-06 ngày  
03/10/2006

Ngày hạch toán: 20/10/2010

Đơn vị trả tiền

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

Kế toán trưởng

Chủ tài

khoản

723.164:0311 00164017: 00164013 164-2-051027-00033

20/10/2006: 09:30:08 7051.8062 OTA. OL3-C/TIEN INCAS.INC-I

DR 300.000.000,00 VNĐ 30.000 CR 300.000.000,00 VNĐ. 30.000

Phí Ngân hàng: 0,00 VNĐ. VAT. 0,00 VNĐ. T.Toan phi: 0,00 VNĐ

Ngân hàng Công thương Việt Nam

Liên 2:  
Số/NO:

**Lệnh chi**

Ngày/Date: 26/10/2006

Tên đơn vị trả tiền: Công ty CPTM và dịch vụ Kỹ Nghệ Hàng Hải

Tài khoản nợ:

1	0	2	0	1	0	0	0	0	2	0	8	2	2	6
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Tại Ngân hàng: Công thương Lê Chân

Số tiền bằng chữ: năm trăm triệu đồng./.	Số tiền bằng số: 500.000.000đ
--	-------------------------------

Tên đơn vị nhận tiền: Tổng công ty cơ khí GTVT Sài Gòn

Tài khoản có:

1	0	2	0	1	0	0	0	0	0	8	6	8	1	5
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Tại Ngân hàng: Sở giao dịch II Ngân hàng Công thương Việt Nam

Nội dung: Thanh toán tiền mua máy theo hợp đồng số: 132/HĐBUS-06 ngày 03/10/2010

Ngày hạch toán: 26/10/2010

Đơn vị trả tiền:

Giao dịch viên      Kiểm soát viên      Kế toán trưởng      Chủ tài khoản

723.164:0319 00164022: 00164013 164-2-051027-00033

26/10/2006:15:20:15 7051. 8262 OTA.OL3-C/TIEN INCAS.INC-I

DR 500.000.000,00 VNĐ 500.000 CR 500.000.000,00 VNĐ. 500.000

Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Vận tải Quang Khải

Phí Ngân hàng: 0,00 VNĐ . VAT. 0,00. T.Toan phi: 0,00 VNĐ.;

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

---o0o---

Mẫu: CTT06

Ký hiệu: AE/2006

Số: 0017771

### **BIÊN LAI THU LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ**

(Giao cho người nộp tiền)

Người nộp: Công ty CPTM và dịch vụ Kỹ Nghệ Hàng Hải

Địa chỉ: số 33 Mê Linh phường Mê Linh, quận Lê Chân - Hải Phòng

Loại tài sản	Số lượng	Ký hiệu	Giá đơn vị	Trị giá tài sản tính lệ phí	Tỷ lệ thu	Số lệ phí phải nộp ngân sách
Máy trục DECCOS	01	SK:7100456 SM:213949		1.000.000.000	2%	50.000.000

Tổng số lệ phí phải nộp ngân sách (Bằng chữ): năm mươi triệu đồng chẵn./.

Ngày 09 tháng 10 năm 2010

Người thu tiền

(Ghi rõ họ tên và đóng dấu)

## ỦY NHIỆM CHI

Số :249

Chuyển khoản chuyển tiền điện tử

Ngày :20/10/2010

Tên đơn vị trả tiền:công ty CPTM và dịch vụ Kỹ Nghệ

Hàng Hải

Phần do NH ghi

Số tài khoản;109290002 45854

Tại ngân hàng :ngân hàng TECHCOMBANK-

Chi nhánh Hải Phòng.

Tên đơn vị nhận tiền : tổng công ty cơ khí GTVT

Sài gòn

Số tài khoản:0100245 5222 111

Tại ngân hàng:ngân hàng BIDV chi nhánh quận

Nhất Sài Gòn

TÀI KHOẢN NỢ
TÀI KHOẢN CỐ
Số tiền bằng số
200.000.000

---

Số tiền bằng chữ:hai trăm triệu đồng chẵn

Nội dung thanh toán :thanh toán tiền mua thiết bị lắp đặt máy trục

<b>Đơn vị trả tiền</b>	<b>ngân hàng A</b>	<b>ngân hàng B</b>
<b>Kế toán</b>	<b>ngày ghi sổ.....</b>	<b>ngày ghi sổ.....</b>
<b>Chủ TK Kt</b>	<b>Kế toán Trưởng phòng</b>	<b>kế toán Trưởng phòng</b>

**Theo thỏa thuận của hợp đồng,sau khi công ty CPTM và dịch vụ Kỹ Nghệ Hàng Hải chuyển trả tiền mua thiết bị ,đến ngày 26/10/2010 công ty cơ khí GTVT lập hóa đơn GTGT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập-tự do –hạnh phúc**

**BIÊN BẢN BÀN GIAO**

**Hôm nay ngày 20 tháng 10 năm 2010 tại công ty CPTM và dịch vụ Kỹ Nghệ  
Hàng Hải (Mê linh-Hải Phòng)**

**Chúng tôi gồm có:**

**1.Ông :Nguyễn Mạnh Linh Đơn vị :Trưởng phòng kế toán công ty CPTM  
và dịch vụ Kỹ Nghệ Hàng Hải**

**2.Ông :Đào Xuân Phú Đơn vị:công ty CPTM và dịch vụ Kỹ Nghệ  
Hàng Hải**

**3.Ông :Nguyễn Bá Vững Đơn vị:số 20-Lê Chân –Hải Phòng**

**Cùng tiến hành lập biên bản bàn giao các linh kiện sửa chữa tàu như sau:**

**+tình trạng thiết bị:tốt**

**+Lý do bàn giao:nhượng bán**

**DANH MỤC CHI TIẾT**

<b>stt</b>	<b>Tên sản phẩm</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>1</b>	<b>Mỏ hàn GPHKT</b>	<b>Cái</b>	<b>50</b>	<b>459.123</b>	
<b>2</b>	<b>Số kiểm định</b>	<b>cái</b>			
	<b>Tổng cộng</b>			<b>22956150</b>	

**Đại diện công ty**

**Nguyễn Mạnh Linh**

**người bàn giao**

**Đào Xuân Phú**

**người nhận bàn giao**

**Nguyễn Bá Vững**

### **2.2.3/hạch toán kế toán tổng hợp TSCD**

#### **2.2.3.1/tài khoản sử dụng**

Công ty sử dụng TK 211,214 để hạch toán TSCD theo đúng quy định của nhà nước

Tài khoản 211:-TSCD hữu hình tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng giảm toàn bộ TSCD hữu hình của công ty theo nguyên giá

Tài khoản 214:-hao mòn TSCD hữu hình ,TK này dùng để phản ánh tình hình tăng giảm giá trị hao mòn của toàn bộ TSCD hữu hình trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCD hữu hình và những khoản tăng giảm hao mòn khác của TSCD hữu hình

#### **2.2.3.2/các sổ sách chứng từ**

Để hạch toán kế toán tổng hợp TSCD công ty dùng sổ cái TK 211 và sổ cái TK 214

Kế toán vào sổ nhật ký chung

. Trích sổ nhật ký chung năm 2010

**CÔNG TY CPTM VÀ DV KỸ  
NGHỆ HÀNG HẢI  
Số 33 Mê Linh – Lê Chân - HP**

**NHẬT KÝ CHUNG**

**Mẫu số S03a-DN  
(Ban hành theo QĐ số  
15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/03/2006 của Bộ trưởng B**

**Năm 2010**

**Đơn vị tính: Đồng VN**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	ST T dòn g	Số hiệu TK		Số tiền PS
	Số hiệu	Ngày tháng				NỢ	CÓ	
.....	.....	.....	.....	.....		.....	...	.....
22/05/2 010	PC048	22/05/20 10	Trả cước điện thoại cố định T5	X		642	111	538.248
22/05/2 010	PC048	22/05/20 10	Thuế GTGT được khấu trừ-điện thoại	X		133	111	53.825
.....	.....	.....	.....	.....		.....	...	.....
31/05/2 010		31/05/20 10	Kết chuyển chi phí QLDN	X		911	642	11.522.761
...	...	....	....	...	...	...	...	...
			<b>Cộng lũy kế</b>					<b>20.580.148.79 4</b>

**Người ghi sổ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**CÔNG TY CPTM VÀ DV KỸ NGHỆ  
HÀNG HẢI  
Số 33 Mê Linh – Lê Chân - HP**

**SỔ CÁI**

**Mẫu số S03a-DN  
(Ban hành theo QĐ số  
15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/03/2006 của Bộ trưởng  
BTC)**

**Năm 2010  
Tên tài khoản: tài sản cố định  
Số hiệu: 211**

*Đơn vị tính: Đồng VN*

Mã	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			NỢ	CÓ
			<b>Dư đầu kỳ</b>			
			<b>Số phát sinh</b>			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
PK	PC048	22/10/2010	Xây dựng nhà kho mới	331	166 563 000	
	.....	.....	.....	.....	.....	.....
	TUP 14	31/10/2010	Mua máy móc	2411		11.522.761
	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>268.907.823</b>	<b>268.907.823</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			
			<b>Cộng lũy kế từ đầu kỳ</b>			

Ngày .....tháng..... năm.....

**Kế toán ghi sổ**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Kế toán trưởng**



**CÔNG TY CPTM VÀ DV KỸ  
NGHỆ HÀNG HẢI  
Số 33 Mê Linh – Lê Chân - HP**

**SỔ CÁI**

**Mẫu số S03a-DN  
(Ban hành theo QĐ số  
15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**

**Năm 2010**

**Tên tài : hao mòn tài sản cố định**

**Từ ngày 1/1/2010 đến ngày**

**31/12/2010**

*Đơn vị tính: Đồng VN*

mã	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			NỢ	CÓ
			<b>Dư đầu kỳ</b>			
			<b>Số phát sinh</b>			
	...	...	...	...	...	...
PK	KHT01	31/1/2010	Phân bổ khấu hao tháng 1	6274		197 067 478
PK	KHT06	30/06/2010	Phân bổ khấu hao tháng 6	6274		205 055 262
PK	TL00234	20/12/2010	Chuyển nhượng xe	2114	69 802 760	
PK	KHT12	31/12/2010	Phân bổ khấu hao tháng 12	6274		261 603 678
	...	....	...	...	...	
			<b>Cộng số phát sinh tháng 12</b>		<b>69 802 760</b>	<b>1 345 784 322</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

*Ngày .....tháng.....năm.....*

**Kế toán ghi sổ**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Kế toán trưởng*

**\*/kế toán sửa chữa nhỏ thường xuyên**

Đối với hoạt động sửa chữa TSCD mà chi phí phát sinh nhỏ ,toàn bộ chi phí sửa chữa phát sinh được đơn vị tập hợp trực tiếp vào chi phí sản xuất kinh doanh của bộ phận có TSCD sửa chữa.Thông thường công ty thuê ngoài sửa chữa.

TK 627,642

Có TK 111,112,152...

Ví dụ: công ty tiến hành sửa chữa 1 máy vi tính cho phòng kế toán với tổng chi phí sửa chữa là 2.500.000 đồng ,đã trả tiền mặt .Căn cứ vào hóa đơn và phiếu chi ,kế toán tiến hành hạch toán như sau:

Nợ TK 642(3):2.500.000

Có TK 111:2.500.000

**\*/kế toán sửa chữa lớn TSCD**

Đối với các hoạt động sửa chữa lớn TSCD phát sinh tại đơn vị ,mà chủ yếu là hoạt động sửa chữa các máy móc đội tàu đơn vị đều tiến hành trích trước chi phí sửa chữa lớn và hạch toán vào chi phí hàng quý.

Các bước triển khai sửa chữa lớn trong công ty được tiến hành như sau:

Bước 1:lập hồ sơ kế hoạch sửa chữa

Bước 2:tổ chức sửa chữa

Bước 3:lập quyết toán sửa chữa công trình hoàn thành

### CHƯƠNG III:

#### *Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hạch toán Tài Sản Cố Định tại công ty CPTM và Dịch vụ Kỹ Nghệ Hàng Hải*

#### **3.1/Nhận xét về công tác hạch toán TSCD tại công ty CPTM và dịch vụ kỹ nghệ hàng hải**

##### **3.1.1/Uu điểm:**

-Về bộ máy kế toán:bộ máy kế toán gọn nhẹ phù hợp với đặc điểm quy mô,yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty .Hoạt động kế toán không chỉ đơn thuần phản ánh về mặt giá trị của các con số phát sinh mà còn thực hiện chức năng cung cấp thông tin giúp lãnh đạo công ty đưa ra các quyết định đúng đắn ,hợp lý. Các nhân viên trong phòng kế toán của công ty có trình độ chuyên môn cao ,không ngừng học hỏi trau dồi kinh nghiệm thực tế cũng như luôn cập nhật thông tin một cách nhanh chóng để áp dụng vào công tác kế toán ,các cán bộ kế toán được bố trí công việc phù hợp với trình độ để tạo hiệu quả công việc cao.có được sự phối hợp hài hòa ,đồng bộ giữa các phòng ban chức năng với nhau,giữa phòng kế toán với các phòng ban trong công ty và cùng dưới sự lãnh đạo thống nhất của ban giám đốc để hoàn thành công việc một cách nhanh chóng hiệu quả.

-Hệ thống kế toán :Xí nghiệp đang áp dụng hình thức kế toán”nhật ký chung”là hình thức khá phổ biến và có nhiều ưu điểm phù hợp với điều kiện kế toán chung của công ty.Việc sử dụng máy tính vào công việc kế toán giúp cho công tác hạch toán và lưu trữ chứng từ,sổ sách trở nên dễ dàng và khoa học hơn.

Hệ thống sổ kế toán ,tài khoản và các mẫu biểu công ty sử dụng đều đúng như chính sách ban hành của nhà nước.

-Các quy định trong công tác quản lý và hạch toán TSCD :là theo đúng chuẩn mực kế toán.Chế độ kế toán do bộ tài chính ban hành.Thể hiện trên những nội dung sau:

+Về phân loại:

Việc phân loại TSCD của công ty được tiến hành theo 1 cách:phân loại theo hình thái –cách phân loại này giúp cho kế toán tổ chức hạch toán ,ghi chép,phản ánh

tình hình TSCD hiện có của toàn công ty và sự biến động của các loại tài sản cố định thuộc công ty quản lý theo nguyên giá và giá trị còn lại. Từ đó giúp cho người sử dụng thông tin có thể biết kết cấu của TSCD trong công ty từ đó có phương hướng đầu tư TSCD một cách hợp lý để đổi mới công nghệ phục vụ cho sản xuất kinh doanh.

+Việc xác định nguyên giá TSCD tăng lên được kế toán TSCD áp dụng theo đúng chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03, theo chế độ kế toán hiện hành và dựa vào từng trường hợp cụ thể mà kế toán xác định nguyên giá TSCD theo đúng quy định .

+Kế toán TSCD áp dụng đúng nguyên tắc chủ yếu trong quản lý TSCD làm cho công tác kế toán trong công ty được đơn giản hơn ,thể hiện:

Mỗi TSCD đều được theo dõi 2 chỉ tiêu:nguyên giá,giá trị còn lại

Mọi TSCD có liên quan đến hoạt động kinh doanh đều được tính khấu hao,mức khấu hao TSCD được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ và phương pháp khấu hao áp dụng cho từng TSCD mà công ty đã lựa chọn đăng ký đã được thực hiện nhất quán trong suốt quá trình sử dụng TSCD.

-Việc hạch toán tăng ,giảm TSCD tại công ty CPTM và dịch vụ Kỹ Nghệ Hàng Hải :là tuân thủ theo đúng chế độ hiện hành.Các chứng từ làm căn cứ ghi sổ kế toán đều là các chứng từ hợp lý ,hợp lệ từ khâu mua sắm ,xây dựng cơ bản hoàn thành bàn giao,từ việc thanh lý ,nhượng bán TSCD.

-Hàng tháng khi kết toán TSCD tiến hành trích khấu hao TSCD thì số khấu hao trong kỳ được phân bổ vào giá thành hoặc chi phí của các bộ phận có sử dụng TSCD .Việc trích khấu hao TSCD của công ty theo từng tháng và có các báo cáo về tình hình khấu hao TSCD sẽ giúp cho việc quản lý về mặt khấu hao thu hồi vốn cố định chặt chẽ và sát sao hơn.

### **3.1.2/Nhược điểm:**

(1)Về bộ máy kế toán;

Thiếu người làm việc ,khó phân công mỗi người đều phải làm nhiều việc :mặc dù bộ máy kế toán gọn nhẹ nhưng do yêu cầu sửa chữa càng tăng,doanh nghiệp

muốn mở rộng quy mô nên khối lượng công việc của phòng kế toán tương đối nhiều.

Ảnh hưởng:-một người làm không hoàn thành kịp thời được công việc

-không vào sổ liệu kịp thời và đầy đủ để theo dõi

-một người làm công việc của nhiều người

-kế toán trưởng làm việc của nhiều người nên công việc khá vất vả

(2)Thiết lập danh mục về TSCD:

Công ty chưa đánh số TSCD theo từng loại.

Trong công ty có nhiều loại TS cùng loại có nguyên giá khác nhau công ty vẫn chưa tiến hành đánh giá số TS theo từng loại nhóm .Điều này dễ dẫn đến nhầm lẫn giữa các loại TS này với TS khác cùng loại ở 1 số bộ phận,.sự nhầm lẫn sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới việc quản lý,sử dụng và hạch toán TSCD.Kế toán viên người sử dụng sẽ mất nhiều thời gian trong việc sổ sách.

Ảnh hưởng:-chưa lập được danh mục về TSCD nên TS không có mã số cụ thể

-nhầm lẫn và khó tìm

-lẫn lộn giữa các loại TS,xếp lung tung ,tìm mất thời gian...

(3)Về phân loại TSCD:

Chỉ áp dụng 1 cách phân loại theo hình thái biểu hiện

TSCD trong doanh nghiệp rất đa dạng và phong phú có sự khác biệt về tính chất công dụng,thời gian sử dụng.công ty chỉ áp dụng hình thức phân loại theo hình thái biểu hiện,với cách phân loại này công ty mới chỉ liệt kê các loại ts đưa vào các nhóm lớn.điều này khiến doanh nghiệp chưa thấy hết được đặc điểm của từng loại TSCD để áp dụng hình thức sử dụng quản lý có hiệu quả

ảnh hưởng:-khi tìm kiếm dễ nhầm lẫn

-khó xác định loại tài sản khi không phân loại từ trước

(4)Việc kiểm kê tài sản:

Công ty chưa tiến hành kiểm kê TS định kỳ 6 tháng hay 1 năm 1 lần.Do vậy không xác nhận được số lượng,giá trị TS hiện có ,thừa thiếu so với kế toán trên

cơ sở tăng cường quản lý TSCD và làm cơ sở cho việc quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán có chênh lệch.

ảnh hưởng: -muốn xác định lại giá trị của ts phải lập ban kiểm kê mất thời gian  
-tốn công sức kiểm tra tìm kiếm sổ sách

(5) Về đánh giá lại tài sản:

Công ty ko tiến hành đánh giá lại TSCD theo quy định của nhà nước hay khi cần thiết. Trong quá trình sử dụng mỗi TSCD được tính trích khấu hao theo 1 tỷ lệ nhất định song ngoài hao mòn hữu hình còn có hao mòn vô hình, điều này gây trở ngại cho việc xác định giá trị còn lại thực tế của TS hiện có của công ty theo giá thị trường. khi khấu hao của TS không được xác định chính xác. Chính điều đó cũng dẫn đến việc thu hồi vốn cố định gặp khó khăn.

ảnh hưởng: -khi phản ánh giá trị còn lại dễ sai lệch so với thực tế

-thương xuyên đánh giá sẽ giúp việc tính khấu hao chính xác

(6) Về việc áp dụng phương pháp tính khấu hao TSCD:

Hiện nay TSCD trong công ty có nhiều loại nhiều nhóm khác nhau công dụng của TS cũng như cách thức phát huy tác dụng của t trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty cũng khác nhau. cộng với sự phát triển mạnh mẽ của KH-KT hao mòn vô hình ngày càng lớn, đặc biệt là máy móc thiết bị ngày càng hiện đại nên nhu cầu đổi mới TSCD ngày càng cao. Việc áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng mà công ty đang áp dụng là 1 cách dễ hiểu, đơn giản dễ làm, mức khấu hao được tính vào giá thành ổn định (làm ổn định giá thành). Trong trường hợp mà sử dụng tỷ lệ khấu hao ình quân cho tất cả các loại tài sản thì khối lượng công tác kế toán sẽ giảm đáng kể, thuận tiện cho việc lập khấu hao TSCD.

Tuy nhiên phương pháp này không phản ánh chính xác mức độ hao mòn thực tế ts vào giá thành sản phẩm trong các thời kỳ sử dụng TSCD khác nhau. Hơn nữa khả năng thu hồi vốn đầu tư chậm làm cho TSCD của công ty chịu ảnh hưởng bất lợi của hao mòn vô hình.

### **3.2/Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại công ty**

### (1) về bộ máy kế toán:

Tăng cường thêm kế toán viên giảm bớt áp lực và gánh nặng công việc cho nhân viên kế toán. Có thể tăng cường thêm 1 nhân viên kế toán làm kế toán chi tiết phụ trách mảng chi phí giá thành, doanh thu công nợ, kế toán trưởng sẽ chịu trách nhiệm làm kế toán tổng hợp, có như vậy công việc được giảm nhẹ cho mỗi kế toán viên đồng thời kế toán viên có thể tập trung tốt hơn vào phần việc của mình sẽ giúp cho hiệu quả công việc được tốt hơn.

### (2) thiết lập danh mục về TSCD

Khi hạch toán tăng giảm TSCD kế toán phải thu thập đầy đủ chứng từ kế toán có liên quan vào hồ sơ lưu lại tại phòng kế toán. Sau khi bộ hồ sơ đầy đủ kế toán nhất thiết phải đánh số TSCD theo từng nhóm từng loại TSCD để thuận lợi cho công tác thống kê và quản lý tài sản tránh nhầm lẫn.

Tác dụng của việc đánh số này giúp kế toán viên nhanh chóng nắm bắt số lượng TSCD đang có ở công ty khi kiểm kê, tiết kiệm được thời gian và công sức của con người đồng thời nâng cao hiệu quả công việc.

### (3) Về phân loại TSCD

Công ty nên áp dụng nhiều hình thức phân loại TSCD theo quy định của nhà nước ngoài cách phân loại theo hình thái biểu hiện để thấy được các ưu điểm công dụng của từng loại TS như:

+ Phân loại theo tính chất và mục đích sử dụng: Để thấy được TS đó phục vụ cho bộ phận nào với mục đích gì

+ Phân loại theo vốn hình thành để thấy được TSCD chiếm bao nhiêu % trong tổng vốn.

### (4) Kiểm kê tài sản cố định:

Công ty nên tiến hành kiểm kê tài sản định kỳ mỗi năm 1 lần theo quy định của Bộ Tài Chính. tiến hành lập “biên bản kiểm kê tài sản cố định” nhằm xác nhận số lượng, giá trị TSCD hiện có, thừa thiếu so với sổ kế toán trên cơ sở đó tăng cường quản lý TSCD và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán số chênh lệch.

Kiểm kê tài sản chia làm 2 giai đoạn:

+Giai đoạn 1 :kiểm kê thực tế

+Giai đoạn 2:lập biên bản kiểm kê

Mẫu biên bản kiểm kê tài sản cố định

Đơn vị.....

**mẫu số 05-**

**TSCD**

Địa chỉ.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính

**BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Ngày .....tháng.....năm.....

Thời điểm kiểm kê.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Ban kiểm kê gồm:

-Ông /Bà.....Chức vụ.....Đại diện.....Trưởng ban

-Ông /Bà.....Chức vụ.....Đại diện..... Ủy viên

-Ông /Bà.....Chức vụ.....Đại diện.....Ủy viên

Đã kiểm kê TSCD kết quả như sau:

stt	Tên TSCD	Mã số	Nơi Sử Dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
				Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
	Cộng												

Ngày ...tháng.....năm.....

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Trưởng ban kiểm**

**kê**

(ghi ý kiến giải quyết

(ký ,họ tên)

(ký ,họ tên)

Số chênh lệch)

(ký,họ tên)



(5)Đánh giá lại TSCD:

Công ty nên tiến hành đánh giá lại TSCD theo quy định của nhà nước hoặc vào cuối niên độ kế toán. Việc đánh giá lại TSCD là 1 cách thường xuyên và chính xác có lợi cho công ty .Hiện nay do KHCN ngày càng tiến bộ làm ch TSCD không tránh khỏi sự hao mòn vô hình.Đồng thời với 1 cơ chế thị trường như hiện nay giá cả thường xuyên biến động.Điều này làm cho việc phản ánh giá trị còn lại của TSCD trên sổ sách kế toán bị sai lệch đi so với thực tế,việc thường xuyên đánh giá lại TSCD sẽ giúp cho việc tính khấu hao chính xác ,đảm bảo thu hồi vốn cố định nâng cao hiệu quả sử dụng TSCD.

Khi tiến hành đánh giá lại TSCD ,công ty nên lập “biên bản đánh giá lại TSCD” theo mẫu:

Đơn vị.....

**mẫu số 04-TSCD**

Địa chỉ.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính

**BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ LẠI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Ngày .....tháng.....năm.....

Số:

Nợ:

Có:

Căn cứ quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....

Của.....về việc đánh giá lại TSCD

-Ông /Bà.....Chức vụ.....Đại diện.....Chủ tịch hội đồng

-Ông /Bà.....Chức vụ.....Đại diện..... Ủy viên

stt	Tên mã,ký hiệu quy cách	Số hiệu TSCD	Số thẻ TSCD	Giá trị đang ghi sổ			Giá trị còn lại theo đánh giá lại	Chênh lệch	
				Nguyên giá	Hao mòn	Giá trị còn lại		tăng	Giảm
	Cộng								

-Ông /Bà.....Chức vụ.....Đại diện..... Ủy viên

Kết luận:.....

**Ủy viên**

**Ủy viên**

**Chủ tịch hội đồng**

Đơn vị.....

**mẫu số 01-TSCĐ**

Địa chỉ.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính

**BIÊN BẢN GIAO NHẬN TSCĐ**

Ngày .....tháng.....năm.....

Số:

Nợ:

Có:

Căn cứ quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....

Của.....về việc đánh giá lại TSCĐ

Ban giao nhận TSCĐ gồm:

-Ông /Bà.....Chức vụ.....Đại diện.....Đại diện bên giao

-Ông /Bà.....Chức vụ.....Đại diện..... Đại diện bên nhận

-Ông /Bà.....Chức vụ.....Đại diện.....

Địa điểm giao nhận TSCĐ:.....

Xác nhận việc giao nhận TSCĐ như sau:

Số tt	Tên ,ký hiệu quy cách	Số hiệu TSCĐ	Nước Sản xuất(XD)	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Công suất (diện tích thiết kế)	Tính nguyên giá TSCĐ					
							Giá mua (ZSX)	Chi phí vận chuyển	Chi phí chạy thử	...	Nguyên giá TSCĐ	Tài liệu kỹ thuật kèm theo
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	E

Đơn vị.....

**mẫu số 02-TSCĐ**

Bộ phận.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính

**BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ**

Ngày .....tháng.....năm.....

Số:

Nợ:

Có:

Căn cứ quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....

Của.....về việc đánh giá lại TSCĐ

**I. Ban thanh lý TSCĐ gồm:**

- Ông /Bà..... Chức vụ..... Đại diện..... Trưởng ban

- Ông /Bà..... Chức vụ..... Đại diện..... Ủy viên

- Ông /Bà..... Chức vụ..... Đại diện..... Ủy viên

**II. Tiến hành thanh lý TSCĐ:**

- Tên ,ký mã hiệu, quy cách(cấp  
hạng)TSCĐ:.....

-Số hiệu

TSCĐ:.....

-Nước sản xuất(xây  
dựng):.....

-Năm sản

xuất:.....

-Năm đưa vào sử dụng:.....Số thẻ

TSCĐ:.....

-Nguyên giá

TSCĐ:.....

-Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý

:.....

-Giá trị còn lại của

TSCĐ:.....

**III.Kết luận của ban thanh lý TSCĐ:**

.....

....

Ngày ....tháng.....năm.....

**Trưởng ban thanh lý**

(ký,họ tên)

**IV.Kết quả thanh lý TSCĐ:**

-Chi phí thanh lý TSCĐ:.....(viết bằng  
chữ).....

-Giá trị thu hồi:.....(viết bằng chữ).....

-Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày.....tháng.....năm.....

Ngày.....tháng.....năm.....

**Giám đốc**

(Ký,họ tên,đóng dấu)

**Kế toán trưởng**

(ký,họ tên)

(6)về áp dụng phương pháp tính khấu hao TSCD:

TSCD của công ty chia làm 4 nhóm :

- nhà cửa ,vật kiến trúc
- phương tiện vận tải
- máy móc thiết bị
- tài sản cố định khác

- Do sự cạnh tranh khốc liệt trên thị trường của các thành phần kinh tế nên công ty cũng gặp nhiều khó khăn, để khắc phục những khó khăn những nhược điểm còn tồn tại công ty đặt ra những mục tiêu phân đầu

- Bằng mọi biện pháp huy động vốn đầu tư phương tiện mới giữ vững thị trường đang khai thác

- Đổi mới phương thức phục vụ tạo uy tín của doanh nghiệp

- Mở rộng thị trường mới nhằm phát triển đầu tư phương tiện tăng sản lượng

- Tăng cường công tác quản lý

Trên đây là một số ý kiến đề xuất của em mong muốn hoàn thiện hơn tổ chức công tác kế toán TSCD tại công ty CPTM và dịch vụ Kỹ Nghệ Hàng Hải. Từ đó phần nào giúp cho hiệu quả kinh doanh của công ty ngày càng lớn lên cùng xu hướng phát triển chung của đất nước và thế giới:

## KẾT LUẬN

TSCD là biểu hiện của vốn cố định ,là một bộ phận quan trọng quyết định sự sống còn của doanh nghiệp.Trong quá trình kinh doanh ,về phương diện hiệu quả kinh tế các doanh nghiệp phải bằng mọi cách sử dụng tối đa công suất máy móc thiết bị ....hiện có ,kịp thời thay thế máy móc lạc hậu ,bảo quản ,bảo dưỡng tốt cho máy móc thiết bị ,tính toán chính xác hao mòn TSCD trong quá trình sử dụng để đảm bảo việc thu hồi vốn đầu tư ban đầu nhanh chóng .Doanh nghiệp sửa chữa muốn tồn tại thì việc phấn đấu giảm bớt chi phí ,nâng cao chất lượng công việc ,mà chủ yếu là sử dụng trang thiết bị KHCN và trang thiết bị hiện đại vào sửa chữa .Để làm được điều đó thì công tác hạch toán kế toán TSCD phải được xây dựng tốt và nâng cao hiệu quả công tác.

Khóa luận:”hoàn thiện tổ chức công tác kế toán TSCD tại công ty CPTM và dịch vụ Kỹ Nghệ Hàng Hải “đã giải quyết được các vấn đề sau:

- 1.Về mặt lý luận :Khóa luận đã nêu được nét chính ,nét cơ bản về TSCD ,phân loại ,đánh giá ,sửa chữa ,tính khấu hao TSCD và kế toán TSCD trong doanh nghiệp:
- 2.Về mặt thực tiễn :khóa luận đã lấy tình hình số liệu ,tăng ,giảm trích khấu hao TSCD tại công ty CPTM và dịch vụ Kỹ Nghệ Hàng Hải để chứng minh
- 3.Về những biện pháp hoàn thiện tổ chức hạch toán TSCD tại công ty :khóa luận đã đi sâu đánh giá việc sử dụng ,quản lý TSCD ,từ đó đưa ra những kiến nghị hoàn thiện taapj trung vào;Tổ chức bộ máy ,tổ chức hệ thống sổ sách,ghi chép hạch toán,đánh giá,phân loại TSCD ,cách tính khấu hao ,áp dụng phần mềm kế toán...

Những đề xuất của khóa luận rất sát thực với tình hình công ty và thị trường hiện nay nếu thực hiện tốt kiến nghị ,tình hình quản lý TSCD ở công ty sẽ cho nhiều kết quả tốt hơn trong quản lý cũng như trong hạch toán TSCD

Với thời gian thực tập ngắn ,kiến thức bản thân có hạn ,vấn đề nghiên cứu rộng ,tổng hợp .Song được sự giúp đỡ tận tình của lãnh đạo công ty ,và các phòng ban đặc biệt là các anh chị phòng kế toán công ty CPTM và dịch vụ Kỹ Nghệ Hàng Hải ,cộng với sự hướng dẫn tận tình của TS.Nguyễn Văn Tinh đã giúp em hoàn thành khóa luận này

Em xin chân thành cảm ơn!

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1.Hệ thống kế toán Việt Nam .Quyển 1-Hệ thống tài khoản kế toán.Nhà xuất bản Tài chính
- 2.hệ thống kế toán Việt Nam .Quyển 2-Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán sơ đồ kế toán.Nhà xuất bản Tài chính.
- 3.Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính -2006
- 4.Kế toán tài chính.Nhà xuất bản Tài Chính -2006
- 5.Chế độ quản lý,sử dụng và trích khấu hao TSCD của Bộ Tài Chính
- 6.Các bài khóa luận tốt nghiệp ngành kế toán-kiểm toán .thư viện trường đại học Dân Lập Hải Phòng.



## MỤC LỤC

Lời nói đầu.....	01
Chương I:Những vấn đề lý luận cơ bản về TSCĐ và kế toán TSCĐ.....	03
1.1/Những vấn đề lý luận cơ bản về tài sản cố định(TSCĐ).....	03
1.1.1/Khái niệm,đặc điểm,vai trò của TSCĐ .....	03
1.1.2/Vai trò ,yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp.....	05
1.1.3/Phân loại TSCĐ.....	06
1.1.3.1/Phân loại TSCĐ theo hình thái biểu hiện.....	07
1.1.3.2/Phân loại TSCĐ theo mục đích và tình hình sử dụng.....	08
1.1.3.3/Căn cứ vào tính chất sở hữu TSCĐ được chia thành.....	09
1.1.3.4/Ngoài ra người ta còn chia TSCĐ theo nguồn vốn hình thành.....	09
1.1.4/Đánh giá TSCĐ .....	10
1.1.4.1/Đánh giá TSCĐ theo nguyên giá.....	10
1.1.4.2/Đánh giá TSCĐ theo giá trị hao mòn.....	12
1.1.4.3/Đánh giá theo giá trị còn lại.....	13
1.1.5/Hao mòn và trích khấu hao TSCĐ.....	14
1.1.5.1/Hao mòn TSCĐ.....	14
1.1.5.2/Trích khấu hao TSCĐ và sử dụng tiền trích khấu hao hiện hành.....	17
1.2/Hạch toán kế toán TSCĐ .....	18
1.2.1/Nguyên tắc cần tôn trọng khi hạch toán TSCĐ.....	18
1.2.2/Kế toán chi tiết TSCĐ.....	19
1.2.2.1/Các chứng từ sử dụng.....	19
1.2.2.2/Các sổ sách sử dụng.....	20
1.2.3/Kế toán tổng hợp TSCĐ.....	20
1.2.3.1/Sổ sách chứng từ phục vụ cho việc hạch toán.....	20
1.2.3.2/Kế toán tăng ,giảmTSC.....	22
1.2.3.3/Kế toán TSCĐ thuê ngoài.....	41
1.2.3.4/Kế toán hao mòn TSCĐ.....	43
1.2.3.5/Kế toán đánh giá lại TSCĐ.....	47

1.2.3.6/Kế toán sửa chữa TSCD.....	48
<b>ChươngII:TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TSCD TẠI CÔNG TY CPTM VÀ DỊCH VỤ KỸ NGHỆ HÀNG HẢI.....</b>	
2.1/Khái quát chung về công ty CPTM.....	51
2.1.1/Quá trình hình thành và phát triển.....	51
2.1.2/Đặc điểm kinh doanh của công ty CPTM và dịch vụ Kỹ Nghệ Hàng Hải.....	53
2.1.3/Tổ chức bộ máy kinh doanh của công ty CPTM và dịch vụ Kỹ Nghệ Hàng Hải.....	55
2.1.4/Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.....	56
2.1.5/hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại công ty.....	57
2.2/Công tác kế toán TSCD ở công ty CPTM và dịch vụ kỹ Nghệ HÀNG hải...61	
2.2.1/Đặc điểm TSCD và yêu cầu nhiệm vụ quản lý,sử dụng TSCD tại công ty61	
2.2.1.1/Đặc điểm TSCD.....	61
2.2.1.2/Yêu cầu ,nhiệm vụ của công tác quản lý,sử dụng và hạch toán TSCD.61	
2.2.2/Kế toán chi tiết TSCD tại công ty.....	62
2.2.2.1/Phân loại.....	62
2.2.2.2/Đánh giá.....	63
2.2.2.3/Khấu hao TSCD.....	63
2.2.2.4/Các chứng từ và sổ sách sử dụng.....	66
2.2.3/Hạch toán kế toán tổng hợp TSCD.....	78
2.2.3.1/Tài khoản sử dụng.....	78
2.2.3.2/Các sổ sách chứng từ.....	78
 <b>CHƯƠNG III:</b>	
<b>MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN HẠCH TOÁN TSCĐ TẠI CÔNG TY CPTM VÀ DỊCH VỤ KỸ NGHỆ HÀNG HẢI.....</b>	
	84
3.1/Nhận xét về công tác hạch toán TSCD tại công ty.....	84
3.1.1/Ưu điểm.....	84

3.1.1.2/Nhược điểm.....	87
3.2/Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại công ty CPTM	
và dịch vụ Kỹ Nghệ Hàng Hải.....	89
KẾT LUẬN.....	98
Tài liệu tham khảo.....	100